

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

HỒ MINH CƯỜNG

**TỘI CHỨA MẠI DÂM THEO PHÁP LUẬT
HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Hà Nội - 2017

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

HỒ MINH CƯỜNG

**TỘI CHỨA MẠI DÂM THEO PHÁP LUẬT
HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Chuyên ngành: Luật Hình sự và Tố tụng hình sự
Mã số: 60.38.01.04**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
TS. ĐẶNG QUANG PHƯƠNG**

Hà Nội - 2017

LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình học tập và hoàn thành luận văn này, bên cạnh sự nỗ lực của bản thân, cũng như là nhận được rất nhiều sự động viên, giúp đỡ và hướng dẫn của các quý thầy, cô, gia đình, bạn bè trong suốt khoá học cũng như là thời gian nghiên cứu đề tài luận văn này.

Với lòng kính trọng và vô cùng biết ơn sâu sắc, tác giả xin được gửi lời cảm ơn chân thành đến **TS. ĐẶNG QUANG PHƯƠNG**, thầy đã hết lòng giúp đỡ, tận tình hướng dẫn và tạo mọi điều kiện để tác giả có thể hoàn thành đề tài nghiên cứu của mình.

Đồng thời, tác giả xin được gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc tới Ban giám hiệu, toàn thể quý thầy cô, cán bộ của Học viện khoa học xã hội đã tạo mọi điều kiện thuận lợi cho tác giả trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu và hoàn thành luận văn Thạc sĩ của mình.

Cuối cùng, tác giả cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành đến gia đình, bạn bè đã luôn ủng hộ, động viên và giúp đỡ tác giả trong quá trình học tập và thực hiện đề tài nghiên cứu.

Tác giả

Hồ Minh Cường

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Những số liệu, kết quả trong luận văn là trung thực và chưa được công bố trong bất kỳ công trình nghiên cứu nào.

Tác giả

Hồ Minh Cường

MỤC LỤC

| | |
|--|----|
| MỞ ĐẦU | 1 |
| Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1999 VỀ TỘI CHỨA MẠI DÂM | 8 |
| 1.1. Những vấn đề lý luận về tội chứa mại dâm..... | 8 |
| 1.2. Những yêu cầu chung về xét xử tội chứa mại dâm..... | 12 |
| 1.3. Tổng quan quy định của pháp luật về tội chứa mại dâm từ năm 1945 đến năm 1999..... | 13 |
| 1.4. Quy định tội chứa mại dâm trong pháp luật quốc tế và một số nước. | 18 |
| Chương 2: TỘI CHỨA MẠI DÂM TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999 VÀ THỰC TIỄN XÉT XỬ TỘI PHẠM NÀY TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | 23 |
| 2.1. Quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về tội chứa mại dâm..... | 23 |
| 2.2. Quy định về hình phạt đối với tội chứa mại dâm | 30 |
| 2.3. Thực tiễn xét xử tội chứa mại dâm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh | 40 |
| Chương 3. CÁC YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG ĐÚNG QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI CHỨA MẠI DÂM | 51 |
| 3.1. Các yêu cầu bảo đảm áp dụng đúng quy định của Bộ luật hình sự về tội chứa mại dâm..... | 51 |
| 3.2. Các giải pháp bảo đảm áp dụng đúng quy định của Bộ luật hình sự về tội chứa mại dâm..... | 55 |
| KẾT LUẬN | 69 |
| DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO | 70 |

DANH MỤC CÁC BẢNG VÀ BIỂU ĐỒ

| | |
|---|----|
| Bảng 2.1: Số vụ án và số bị cáo xét xử sơ thẩm về tội chứa mại dâm so với tổng số vụ án và bị cáo đã xét xử sơ thẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh trong 5 năm (2010 – 2014) | 40 |
| Bảng 2.2: Số vụ án và bị cáo xét xử sơ thẩm về tội chứa mại dâm so với nhóm tội xâm phạm trật tự an toàn công cộng, trật tự công cộng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh trong 5 năm (2010 – 2014) | 41 |
| Bảng 2.3: Số vụ án và bị cáo xét xử sơ thẩm về tội chứa mại dâm so với nhóm tội về mại dâm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh trong 5 năm (2010 – 2014)..... | 41 |
| Bảng 2.4: Hình thức giải quyết tội chứa mại dâm của Tòa án nhân dân quận, huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh trong 5 năm (2010 – 2014) | 44 |
| | |
| Biểu đồ 2.1: So sánh số vụ án chứa mại dâm với tổng số vụ án đã xét xử sơ thẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh trong 5 năm (2010-2014) | 40 |
| Biểu đồ 2.2: So sánh số vụ án chứa mại dâm với số vụ án thuộc nhóm tội về mại dâm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm trong 5 năm (2010 - 2014)..... | 42 |

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Đối với bất kỳ quốc gia nào thì tệ nạn xã hội cũng là một hiểm họa trước mắt và lâu dài cần phải loại bỏ. Đất nước chúng ta đang trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước để tiến tới một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Để làm được điều đó chúng ta phải vượt qua các trở ngại khó khăn, một trong các trở ngại đó là tệ nạn xã hội. Tệ nạn mại dâm là tệ nạn xã hội đang phát triển rầm rộ, việc phát hiện đường dây, ổ mua bán dâm hầu như ngày nào cũng xuất hiện trên mặt báo và các trang mạng xã hội cho ta thấy sự cần thiết phải nghiên cứu vấn đề này để đưa ra những giải pháp loại bỏ nó ra khỏi đời sống xã hội.

Mại dâm là dịch vụ hoạt động tình dục ngoài hôn nhân giữa người mua và người bán để trao đổi tiền bạc, vật chất hay quyền lợi. Nó là một loại tệ nạn xã hội tiêu cực biểu hiện lệch lạc về chuẩn mực xã hội.

Tệ nạn này có thời gian hình thành từ rất sớm ngay sau nạn mua bán nô lệ. Mại dâm bắt đầu được nói đến trên báo Phụ nữ tân văn ngày 12 tháng 12 năm 1929. Sau đó nạn mại dâm ở Việt Nam đã lan tràn khắp các đô thị Pháp thuộc, thực dân Pháp đã hợp pháp hóa nạn mại dâm trong xã hội làm nảy sinh hai loại gái mại dâm. Một loại có giấy phép hành nghề và phải nộp thuế cho chính quyền, một loại chui mà người ta thường gọi là lậu thuế. Sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, loại tệ nạn này ít có điều kiện để phát triển. Năm 1986 khi nước ta thay đổi chính sách kinh tế chuyển từ nền kinh tế tập trung bao cấp sang nền kinh tế thị trường, đời sống con người dần được nâng cao xuất hiện nhu cầu giải trí của con người, cộng với việc giao thoa trong nước và ngoài nước nên các ngành giải trí xuất hiện. Bên cạnh những dịch vụ giải trí, chăm sóc sức khỏe, nghỉ ngơi đáp ứng nhu cầu lành mạnh của con người thì các loại tệ nạn cũng xuất hiện như nạn ma túy, cờ bạc, mại dâm... trong đó tệ nạn mại dâm ảnh hưởng đến trật tự công cộng phong tục tập quán, thuần phong mỹ tục tốt đẹp của dân tộc, phá vỡ hạnh phúc gia đình, ảnh hưởng tới sức khỏe, giống nòi, tổn thất về tinh thần là nguyên nhân gây nên một số loại tội phạm khác như ma túy, buôn bán người, hiếp dâm, rửa tiền....

Ngày 17 tháng 3 năm 2003, Pháp lệnh phòng, chống mại dâm đã được công bố, Pháp lệnh quy định những biện pháp và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân và gia đình trong việc đấu tranh với tệ nạn mại dâm. Ngày 10 tháng 5 năm 2011, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 679/QĐ-TTg phê duyệt chương trình hành động phòng, chống mại dâm giai đoạn 2011- 2015.

Thực hiện đường lối của Đảng, Nhà nước ta đã đề ra những biện pháp trong công tác phòng, chống mại dâm, nhưng tệ nạn này diễn ra còn khá phổ biến hoạt động trên mọi địa bàn từ nông thôn đến thành thị, từ miền xuôi đến vùng núi, ở những khách sạn hạng sang hay ở những phòng trọ rẻ tiền. Người bán dâm thuộc nhiều đối tượng từ những người làm nghề dịch vụ cho đến những người đẹp, người mẫu, ca sĩ... nguy hiểm hơn những người bán dâm còn là học sinh, sinh viên tuổi đời còn rất trẻ, người chưa thành niên thậm chí là trẻ em, hoặc những người vì hoàn cảnh khó khăn bị lôi kéo dụ dỗ nên đã vướng vào loại tệ nạn này. Chủ chứa và người môi giới ở nhiều lứa tuổi khác nhau, có đối tượng lớn tuổi nhiều năm hoạt động, có những đối tượng còn rất trẻ, có đối tượng là người nước ngoài kinh doanh dịch vụ trá hình để tổ chức hoạt động mại dâm... gần đây trên các phương tiện thông tin đại chúng và các trang mạng liên tục đưa tin việc phá vỡ các đường dây mại dâm và các ổ mại dâm có quy mô lớn mang tính chất nghiêm trọng.

Mại dâm ở Việt Nam là bất hợp pháp nên hoạt động mại dâm đều tổ chức núp dưới những dịch vụ hoạt động công khai hợp pháp như nhà nghỉ, vũ trường, karaoke, cà phê, chữa bệnh, massage, mạng Internet, facebook...hoặc tổ chức mại dâm bí mật với những ở đường dây gái gọi, du lịch tình dục...với người bán dâm có thể là nam giới, người đồng tính, người chuyển giới bán dâm...chủ chứa mại dâm là người tạo điều kiện cho hoạt động mại dâm phát triển, số tiền chủ chứa mại dâm thu về không nhỏ khi thực hiện việc kinh doanh trên thân xác con người.

Thành phố Hồ Chí Minh là thành phố có quy mô lớn nhất cả nước đồng thời cũng là đầu tàu kinh tế, là một trong những trung tâm văn hóa, giáo dục quan trọng nhất cả nước đồng thời có nhiều điều kiện thuận lợi trong việc phát triển công nghiệp, hàng hóa, dịch vụ, du lịch....với nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất. Mật

độ dân số đông nên những người đến độ tuổi lao động không có công ăn việc làm ổn định dẫn tới tình trạng thất nghiệp nhiều, nhất là đối với lao động nữ, thực trạng tại thành phố Hồ Chí Minh tệ nạn mại dâm chưa thực sự được đẩy lùi và là vấn đề nóng. Trong thời gian 5 năm từ năm 2010 đến năm 2014, Tòa án nhân dân cấp quận, huyện và Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử khoảng 4.344 các vụ án các loại, trong đó có 54 vụ án chứa mại dâm với tỷ lệ phạm tội nghiêm trọng 70,1%; rất nghiêm trọng 25,7% và đặc biệt nghiêm trọng 4,2%. Vì vậy học viên quyết định chọn đề tài ***“Tội chứa mại dâm theo quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn Thành phố Hồ Chí Minh”*** để nghiên cứu về tội chứa mại dâm, từ đó có những biện pháp phòng, chống loại tội phạm này trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng của như cả nước nói chung, cũng như đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện điều luật này trong Bộ luật hình sự Việt Nam.

2. Tình hình nghiên cứu

Từ hậu quả tiêu cực của tệ nạn mại dâm nên đã có nhiều tác giả nghiên cứu liên quan đến vấn đề này, các công trình nghiên cứu ở các phạm vi khác nhau diễn ra trên toàn cầu, đối tượng người nghiên cứu cũng khác nhau từ các nhà khoa học, nhà báo cho đến những người làm công tác thực tiễn áp dụng pháp luật như: Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên...

Tác giả ngoài nước có giáo sư Lena Edulund (Đại học Columbis) và Evelyn Korn (Đại học Eberhard Karls) với công trình *“Một lý thuyết về mại dâm”* được đăng tải trên Tạp chí Journal of Political Economy năm 2002; tiến sĩ Kimberly Hoàng, tại Đại học UC Berkeley với *“Tính kinh tế của tình dục và chặn gối tại Việt Nam”* 2011.

Ở trong nước có rất nhiều công trình nghiên cứu đáng chú ý là những công trình sau:

Công trình nghiên cứu khoa học cấp Bộ của Tòa án nhân dân tối cao *“Vai trò của Tòa án nhân dân trong việc đấu tranh phòng và chống các tội phạm về tình dục”* của tập thể tác giả là Ths. Nguyễn Quang Lộc, PGS.TS. Trần Văn Độ, TS. Từ Văn Nhũ và Nguyễn Văn Liên, 2001.

L luận án tiến sĩ có công trình nghiên cứu của tác giả Trần Hải Âu “*Tệ nạn mại dâm thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả phòng ngừa*” bảo vệ năm 2004, tác giả Nguyễn Hoàng Minh “*Điều tra tội phạm về mại dâm có tổ chức*” bảo vệ năm 2010; tác giả Nguyễn Thị Ngọc Hoa “*Quản lý nhà nước về phòng và chống tệ nạn mại dâm ở Việt Nam hiện nay*” bảo vệ năm 2013.

Cấp độ luận văn thạc sĩ được thực hiện tại Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội có đề tài của tác giả Nguyễn Thị Thanh Hòa “*Tội mua dâm người chưa thành niên trong luật hình sự Việt Nam*” bảo vệ năm 2012; tác giả Vũ Thị Hồng Hạnh với đề tài “*Tội môi giới mại dâm trong Luật hình sự Việt Nam trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn địa bàn thành phố Hà Nội*” bảo vệ năm 2014; tác giả Nguyễn Trường An với đề tài “*Các tội phạm về mại dâm theo quy định của Luật hình sự Việt Nam - thực tiễn xét xử trên địa bàn tỉnh Hoà Bình*” bảo vệ năm 2014.

Giáo trình, sách chuyên khảo, bình luận có các công trình sau: GS. TSKH. Lê Cẩm (Chủ biên), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội 2003; Ths. Đinh Văn Quế, *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự 1999 (Phần các tội phạm)*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh 2000; GS.TS.Võ Khánh Vinh, *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2001; “*Tệ nạn xã hội ở Việt Nam: Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp*” do TS. Lê Thế Tiệm và Phạm Thị Phả chủ biên, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 1994; công trình nghiên cứu; “*Ma túy, mại dâm, cờ bạc - tội phạm thời hiện đại*” của tập thể tác giả là GS.TS. Nguyễn Xuân Yêm, TS. Phan Đình Khánh, TS. Nguyễn Thị Kim Liên, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2003.

Các đề tài và bài viết trên các tạp chí gồm: tác giả Nguyễn Y Na của Viện Thông tin khoa học xã hội có nghiên cứu: “*Tệ nạn xã hội: căn nguyên, biểu hiện, phương thức khắc phục*”; Bài viết “*Giã từ ma túy, mại dâm*” của tác giả Việt Thực biên soạn; Bài viết “*Xác định tư cách tham gia tổ tụng của người chưa thành niên hoạt động mại dâm trong các tội chứa mại dâm, môi giới mại dâm*” của tác giả Thái Chí Bình trên Tạp chí Tòa án nhân dân số 13 – 7 /2013; “*Nghiên cứu mại dâm và di biến động nhìn từ góc độ thế giới*” - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, 2012;

“*Pháp luật về phòng, chống mại dâm ở các nước trên thế giới*” của PGS.TS. Nguyễn Trung Tín, trên Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 3/2002; “*Tội chứa mại dâm, môi giới mại dâm: lý luận và thực tiễn*” của TS. Đỗ Đức Hồng Hà trên Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 5 /2013;... Qua việc nghiên cứu các công trình khoa học cũng như những bài viết liên quan đến tệ nạn mại dâm, có những công trình nghiên cứu tổng thể nhưng chưa đưa ra được giải pháp để áp dụng một cách có hiệu quả bài trừ tệ nạn này, có những bài viết mới đưa ra một khía cạnh nhỏ lẻ hoặc chỉ phân tích ở một vụ án cụ thể nên chưa nhận được sự quan tâm rộng khắp của cộng đồng, chưa có công trình nào nghiên cứu sâu về tội chứa mại dâm, trong khi đó hoạt động tình dục trong nạn mại dâm khó có thể thực hiện được khi không có địa điểm để mua bán dâm. Kết quả đạt được qua 10 năm thực hiện Pháp lệnh phòng chống mại dâm năm 2003 mới ở mức độ khiêm tốn, việc phát hiện xử lý liên quan đến loại tội phạm này mới chỉ là phần nổi của tảng băng chìm nên một lần nữa khẳng định việc chọn nghiên cứu đề tài: “*Tội chứa mại dâm theo quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn Thành phố Hồ Chí Minh*” là cấp thiết vừa mang tính lý luận thực tiễn và có ý nghĩa khoa học.

3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Luận văn làm rõ trên phương diện lý luận gồm các dấu hiệu pháp lý về tội chứa mại dâm, trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với người phạm tội trong Bộ luật hình sự và nêu lên đánh giá tình hình tội phạm này trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian 5 năm (2010 - 2015). Trên cơ sở đó, đưa ra những tồn tại trong thực tiễn xét xử; từ đó đề xuất các kiến nghị hoàn thiện pháp luật và các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về tội chứa mại dâm.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Trong luận văn này tác giả đặt ra những nhiệm vụ nghiên cứu như sau:

Làm sáng tỏ khái niệm tội chứa mại dâm và sơ lược về các quy định của pháp luật hình sự một số nước trên thế giới về hành vi liên quan đến tội phạm này.

Khái quát sự phát triển các quy định về tội chứa mại dâm trong luật hình sự Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay, từ đó rút ra nhận xét, đánh giá.

Nghiên cứu tội chứa mại dâm trong luật hình sự Việt Nam hiện hành và thực tiễn áp dụng điều luật quy định về tội này để tìm ra những nguyên nhân tồn tại khi áp dụng.

Đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự hiện hành về tội chứa mại dâm và các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về tội chứa mại dâm.

4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn: Tội chứa mại dâm trong Luật hình sự Việt Nam, trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn xét xử tội này trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu tội chứa mại dâm dưới góc độ pháp lý hình sự, nhưng vấn đề liên quan đến tội này và thực tiễn xét xử tội chứa mại dâm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian 5 năm (2010 – 2015).

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Luận văn được thực hiện trên cơ sở lí luận và phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật lịch sử và chủ nghĩa duy vật biện chứng Mác Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về tội phạm và phòng ngừa tội phạm.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: phương pháp phân tích và tổng hợp; phương pháp biện chứng lịch sử, phân tích, tổng hợp, so sánh, đối chiếu, điều tra xã hội học... dựa trên số liệu thống kê trong báo cáo của Toà án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, những thông tin được khai thác trên các tạp chí, trên mạng Internet nhằm phân tích tổng hợp các tri thức khoa học luật hình

sự và luận chứng các vấn đề cần nghiên cứu của luận văn.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Tội chứa mại dâm được nghiên cứu một cách toàn diện với những nội dung chủ yếu sau:

Kết quả của luận văn góp phần bổ sung, hoàn thiện hệ thống lý luận về tội chứa mại dâm trong khoa học luật hình sự Việt Nam.

Đánh giá được tình hình xét xử chứa mại dâm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian 5 năm (2010 – 2015), từ đó luận văn sẽ đưa ra kiến nghị hoàn thiện pháp luật và các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về tội chứa mại dâm.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn bao gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận và quy định của pháp luật từ năm 1945 đến năm 1999 về tội chứa mại dâm

Chương 2: Tội chứa mại dâm trong Bộ luật hình sự năm 1999 và thực tiễn xét xử tội phạm này trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Chương 3: Các yêu cầu và giải pháp bảo đảm áp dụng đúng quy định của Bộ luật hình sự về tội chứa mại dâm

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1999 VỀ TỘI CHỨA MẠI DÂM

1.1. Những vấn đề lý luận về tội chứa mại dâm

1.1.1. *Khái niệm tội chứa mại dâm*

Tội phạm về mại dâm nói chung là hiện tượng tiêu cực, ảnh hưởng nhiều mặt đời sống xã hội, xâm hại đến trật tự công cộng, xâm phạm đạo đức xã hội, sức khoẻ con người, là nguyên nhân gây nên các loại bệnh xã hội nguy hiểm đặc biệt là bệnh HIV/AIDS ảnh hưởng đến giống nòi, gây thiệt hại cho nền kinh tế và nguyên nhân gây nên một số tội phạm khác. Các nhà khoa học, các tác giả ở Việt Nam có cái nhìn tương đối giống nhau về tội phạm mại dâm, cụ thể như sau:

Theo tác giả Trần Hải Âu: Tội phạm mại dâm là những hành vi nguy hiểm cho xã hội về mua bán tình dục, được quy định trong Bộ luật hình sự do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý xâm phạm đến trật tự công cộng, đạo đức xã hội, nếp sống văn minh xã hội chủ nghĩa, đến sức khỏe, danh dự, nhân phẩm con người, ảnh hưởng đến an ninh trật tự [1, tr.130].

Theo tác giả Nguyễn Xuân Yêm: Tội phạm mại dâm bao gồm các hành vi về hoạt động mua bán tình dục được quy định và điều chỉnh bằng pháp luật hình sự, tội phạm mại dâm bao gồm các hành vi sau: Chứa mại dâm: là hành vi sử dụng, thuê, mượn, cho mượn địa điểm, phương tiện để mua bán dâm. Môi giới mại dâm: là hoạt động dụ dỗ, dẫn dắt làm trung gian để các đối tượng gặp nhau thực hiện việc mua bán dâm. Mua dâm người chưa thành niên: là hành vi thỏa thuận trả tiền hoặc vật chất khác để được giao cấu với người chưa thành niên. Mua bán phụ nữ, trẻ em vì mục đích mại dâm: là hành vi chuyển giao phụ nữ, trẻ em để thực hiện hành vi mại dâm nhằm thu lợi nhuận [63, tr. 609-610].

Theo PGS.TS Nguyễn Huy Thuật: Tội phạm mại dâm là những hành vi nguy hiểm cho xã hội liên quan đến mua bán tình dục, được quy định trong Bộ luật hình sự do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý xâm hại đến

trật tự công cộng, đạo đức xã hội, nếp sống văn minh xã hội chủ nghĩa, đến sức khỏe, danh dự, nhân phẩm con người, ảnh hưởng đến an ninh xã hội [46, tr.409].

Theo tác giả Nguyễn Hoàng Minh: Tội phạm mại dâm là những hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý xâm phạm tới trật tự công cộng, an toàn công cộng, đến nếp sống văn minh, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm con người cần phải xử lý nghiêm minh bằng pháp luật hình sự [38, tr. 33].

Tội chứa mại dâm nằm trong các tội phạm về mại dâm. Trước đây Bộ luật hình sự năm 1985, tội phạm về mại dâm được quy định tại Điều 202 gồm hai tội chứa mại dâm và môi giới mại dâm. Năm 1997 lần sửa đổi thứ tư bổ sung thêm tội mua dâm người chưa thành niên Điều 202a. Trong quá trình áp dụng bộ luật hình sự năm 1985, việc quy định hai tội chứa mại dâm và môi giới mại dâm trong cùng một điều luật gây khó khăn trong việc phân hoá trách nhiệm hình sự của người phạm tội nên Bộ luật hình sự năm 1999 đã tách điều luật này thành hai điều luật riêng biệt, Điều 254 quy định tội chứa mại dâm và Điều 255 quy định tội môi giới mại dâm. Điều 202a được chuyển thành Điều 256. Nội dung Điều 254 Bộ luật hình sự năm 1999 không đưa ra khái niệm như thế nào là hành vi chứa mại dâm, tại khoản 4 Điều 3 Pháp lệnh phòng chống mại dâm ngày 17 tháng 3 năm 2003 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định “Chứa mại dâm là hành vi sử dụng, cho thuê, cho mượn địa điểm, phương tiện để thực hiện việc mua dâm, bán dâm” [58, Điều 3, Khoản 4].

Trong khoa học luật hình sự Việt Nam có những quan điểm đưa ra các khái niệm về hành vi chứa mại dâm ở phạm vi rộng và hẹp khác nhau. Cách tiếp cận thứ nhất: Chứa mại dâm là hành vi cho thuê, cho mượn địa điểm để làm nơi tụ tập những người mua, bán dâm [31, tr.562]. Cách tiếp cận thứ hai: Tội chứa mại dâm là hành vi tạo điều kiện vật chất hoặc tinh thần cho hoạt động mại dâm được thực hiện [55, tr.515-519]. Cách tiếp cận thứ ba: Tội chứa mại dâm là hành vi cho thuê, cho mượn chỗ, bố trí chỗ, bố trí gái mại dâm, tạo điều kiện cho người mua, bán dâm hoạt động [5, tr.605-611]. Ngoài ra, còn một số cách tiếp cận như: Chứa mại dâm là

hành vi cho thuê, cho mượn địa điểm hoặc tạo các điều kiện vật chất khác cho hoạt động mại dâm; bố trí người canh gác bảo vệ cho hoạt động mại dâm; nhận gái mại dâm là người làm thuê, là nhân viên để che mắt các nhà chức trách và cho hoạt động bán dâm [5, tr.602-605].

Tội chứa mại dâm là hành vi tạo điều kiện vật chất hoặc tinh thần cho hoạt động mại dâm; do người có năng lực trách nhiệm hình sự và từ đủ 14 hoặc dưới 16 tuổi trở lên cố ý thực hiện; xâm phạm đến trật tự công cộng [21, tr.12].

Từ các quan điểm nêu trên, theo chúng tôi hiểu: mại dâm là hoạt động tình dục ngoài hôn nhân giữa người mua và người bán dâm để trao đổi tiền bạc, vật chất hay quyền lợi, nói cách khác mại dâm là hoạt động tình dục mang tính thương mại. Hành vi chứa mại dâm là hành vi tạo điều kiện cho hoạt động mại dâm thực hiện. Đối với trường hợp tạo điều kiện cho hoạt động tình dục thực hiện, nhưng hoạt động tình dục trong trường hợp này chỉ mang tính vụ lợi mà không có tính chất thương mại thì không coi đó là hành vi chứa mại dâm.

Do đó, từ khái niệm tội phạm được quy định tại Điều 8 Bộ luật hình sự năm 1999, các quy định của Bộ luật hình sự, Pháp lệnh phòng, chống mại dâm năm 2003, các quan điểm về khái niệm tội chứa mại dâm, chúng ta có thể đưa ra khái niệm đang nghiên cứu như sau: *“Tội chứa mại dâm là hành vi nguy hiểm cho xã hội tạo điều kiện cho hoạt động mua bán dâm, do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý, xâm phạm trật tự công cộng”*.

1.1.2. Ý nghĩa của việc quy định tội chứa mại dâm trong luật hình sự

Nạn mại dâm xuất hiện rất sớm trong lịch sử loài người, tệ nạn này không phải là hiện tượng riêng lẻ của một hay một số quốc gia mà nó tồn tại phổ biến trên toàn thế giới ở các chế độ xã hội. Ở nước ta trước Cách mạng tháng Tám nạn mại dâm phát triển rất rầm rộ, người bán dâm là những cô đầu, gái nhảy phục vụ cho tầng lớp quan lại, những người giàu có đặc biệt là phục vụ người Tây, người Nhật...

Trên phương diện pháp luật, xã hội phong kiến không cấm những người làm nghề mại dâm. Sau khi nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời xác định mại

dâm là loại tệ nạn tiêu cực cần loại bỏ nên hành vi mại dâm là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm và bị xã hội lên án.

Cùng với các tệ nạn khác như ma túy, cờ bạc, hiện nay mại dâm là tệ nạn gây nên sự nhức nhối trong xã hội, đang trên đà phát triển theo xu hướng phức tạp, khó kiểm soát. Trong thời đại bùng nổ thông tin, tệ nạn này làm phương hại đến đạo đức, lối sống, ảnh hưởng nghiêm trọng đến thuần phong mỹ tục, đời sống văn hoá trật tự an toàn xã hội, là một trong những nguyên nhân chính gây nên căn bệnh HIV/AIDS mà loài người chưa tìm ra thuốc đặc trị, là nguyên nhân gây nên các tội phạm khác và gây thiệt hại về kinh tế khi phải chống chọi với tệ nạn này, vì vậy không phải chỉ ở Việt Nam mà tất cả các quốc gia trên thế giới đều quan tâm đến những tác động tiêu cực của nó.

Ảnh hưởng trên phương diện xã hội: Nước ta nằm trong khu vực Đông Nam Á, có nền văn hoá phương Đông, với quan niệm coi hoạt động tình dục là điều thầm kín tế nhị, xuất phát từ tình cảm của con người; việc đưa hoạt động tình dục mua bán là điều cấm kỵ, bị xã hội lên án nên hoạt động mại dâm ảnh hưởng đến tư cách đạo đức của con người, khi con người vướng vào tệ nạn này là biểu hiện của thói ăn chơi, hưởng lạc, sa đọa, không coi trọng tình cảm vợ chồng dẫn tới tan vỡ hạnh phúc gia đình mà hậu quả của nó ảnh hưởng xấu đến nhân cách của thế hệ sau. Nạn mại dâm tạo điều kiện cho một bộ phận những con người lười lao động, đua đòi, thích hưởng thụ coi đó là một nghề để sinh sống. Cùng với mại dâm nạn nghiện hút, cờ bạc, trộm cắp, cướp tài sản, bạo hành... ảnh hưởng rất lớn đến trật tự an toàn xã hội.

Ảnh hưởng tới sức khoẻ của con người: Người bán dâm là trung gian truyền bệnh HIV/AIDS là nguồn lây cao nhất loại bệnh này - loại bệnh chưa có thuốc chữa trị khỏi. Hoạt động mại dâm còn là nguyên nhân của bệnh lậu, giang mai, các loại bệnh viêm nhiễm đường tình dục dẫn tới vô sinh, sinh con dị tật... ảnh hưởng đến sự phát triển của chất lượng dân số.

Ảnh hưởng tới kinh tế: Hoạt động mại dâm không làm ra của cải vật chất, tạo cho bộ phận lười lao động thích hưởng thụ, gây ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế

của đất nước, ảnh hưởng đến nguồn lao động khi các đối tượng mua bán dâm thường ở độ tuổi lao động, độ tuổi sung sức cao nhất để làm ra của cải vật chất nhất là nước ta hiện nay đang trong thời kỳ dân số “vàng”. Tệ nạn mại dâm tạo ra môi trường xã hội không lành mạnh dẫn tới việc giảm đầu tư. Chi phí cho việc tuyên truyền phòng chống tệ nạn này cũng như việc chăm lo khám chữa bệnh, dạy nghề, tạo công ăn việc làm bảo trợ cho những bệnh nhân nhiễm HIV cũng như việc chăm sóc bảo trợ cho người thân của họ khi họ chết mà không còn người thân thích...

1.2. Những yêu cầu chung về xét xử tội chứa mại dâm

1.2.1. Định tội danh

Định tội danh đối với tội chứa mại dâm sẽ được tiến hành quá các giai đoạn tố tụng hình sự, từ việc khởi tố vụ án khi phát hiện các hành vi chứa mại dâm, sau đó sẽ tiến hành điều tra để thu thập chứng cứ, sau khi đã thu thập đầy đủ chứng cứ cơ quan điều tra ra bản kết luận điều tra sẽ tiến hành chuyển hồ sơ sang cho Viện kiểm sát tiến hành truy tố. Sau khi đã tiến hành các thủ tục tố tụng cần thiết sẽ đến giai đoạn cuối cùng là xét xử. Trong đó, việc xác định tội chứa mại dâm trong giai đoạn xét xử là quan trọng nhất.

Khi định tội nói chung cũng như là định tội chứa mại dâm nói riêng, thì những quy phạm của phần các tội phạm đề cập mô hình tội phạm một cách chi tiết, trên cơ sở đó chúng ta xác định được hành vi nguy hiểm cho xã hội là hành vi phạm tội, còn các quy phạm hình sự tại phần chung quy định về các dấu hiệu của cấu thành tội phạm về các giai đoạn của tội phạm; về đồng phạm...khi định tội về tội chứa mại dâm các cơ quan tiến hành tố tụng phải dựa vào cả các quy định của phần chung và phần các tội phạm của Bộ luật hình sự.

Cấu thành tội phạm là khái niệm pháp lý về hành vi phạm tội, là hệ thống các dấu hiệu cần và đủ đặc trưng cho từng loại tội phạm cụ thể được quy định trong Bộ luật hình sự. Cấu thành tội phạm của tội chứa mại dâm là một phạm trù chủ quan được xây dựng một cách khách quan dựa trên quy định của luật hình sự. Chính vì thế, nó đã trở thành cơ sở pháp lý để định tội, cấu thành tội phạm nói một cách khách quan, không thể hiện hết các yếu tố phong phú của tội phạm mà chỉ thể hiện

các yếu tố cần và đủ dấu hiệu điển hình, đặc trưng nói lên bản chất của tội phạm chứa mại dâm) cho việc định tội. Vì vậy, quá trình định tội cần giải quyết hai vấn đề đó là nhận thức đúng đắn các dấu hiệu cấu thành tội phạm và xác định các tình tiết của hành vi phạm tội được thực hiện nhằm tìm ra sự đồng nhất giữa các yếu tố luật định và các tình tiết khách quan.

1.2.2. Về quyết định hình phạt

Điều 45, Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 quy định về căn cứ quyết định hình phạt như sau: *“Khi quyết định hình phạt, tòa án căn cứ vào quy định của bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự”*.^[39]

Như vậy, theo quy định này, các căn cứ quyết định hình phạt bao gồm:

- Các quy định của Bộ luật hình sự;
- Tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội;
- Nhân thân người phạm tội;
- Những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Đây là những căn cứ chung, có tính chất bắt buộc trong mọi trường hợp đối với tòa án khi quyết định hình phạt. Các căn cứ này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau nhưng đều có tính độc lập tương đối.

1.3. Tổng quan quy định của pháp luật về tội chứa mại dâm từ năm 1945 đến năm 1999

1.3.1. Giai đoạn từ sau Cách Mạng Tháng Tám năm 1945 đến năm 1985

Ngày 02 tháng 9 năm 1945, Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa chính thức được thành lập. Nhà nước non trẻ ngay sau khi ra đời đã gặp muôn vàn khó khăn, vừa phải khắc phục hậu quả của chế độ cũ, bước đầu xây dựng đất nước vừa tổ chức kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ. Kinh tế khó khăn, nạn đói cuối năm 1944 đầu năm 1945 cướp đi hơn hai triệu sinh mạng, hơn 90% đồng bào ta không biết chữ; đất nước đã phải chống chọi với nạn đói nạn dốt,... đồng thời nhà nước phải tiếp nhận giải quyết tệ nạn xã hội do chế độ

cũ để lại như nạn cờ bạc, ma tuý, mại dâm. Trong giai đoạn này tệ nạn mại dâm phát triển chưa mạnh Nhà nước ta chưa có văn bản pháp luật hình sự nào xử lý hành vi chứa mại dâm, chỉ dùng biện pháp hành chính, giáo dục, tuyên truyền thuyết phục họ để họ cải tạo sửa chữa lỗi lầm trở thành người lương thiện có ích.

Giai đoạn từ năm 1954, khi hoà bình lập lại năm 1975 và đến trước pháp điển hoá lần thứ nhất năm 1985, Nhà nước ta đã ban hành những văn bản quy định cụ thể về đấu tranh và bài trừ tệ nạn mại dâm như sau:

Nghị quyết số 49-TVQH ngày 20 tháng 6 năm 1961 của Ủy ban thường vụ quốc hội về tập trung giáo dục cải tạo những phần tử có hoạt động nguy hại cho xã hội.

Thông tư số 121/CP ngày 09 tháng 8 năm 1961 của Hội đồng chính phủ hướng dẫn cụ thể việc thi hành Nghị quyết số 49-TVQH

Quyết định số 129/CP ngày 08 tháng 8 năm 1964 của Hội đồng chính phủ về công tác bảo vệ trật tự an ninh.

Năm 1975 đất nước thống nhất nhưng Miền Nam vẫn còn tàn dư của chế độ Mỹ - Ngụy sót lại, tại Miền Nam ta tiếp quản gần 200.000 gái điếm và những người phục vụ cho hoạt động mại dâm của chế độ cũ.

Sắc luật số 03-SL ngày 15 tháng 3 năm 1976 của Hội đồng chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền nam Việt Nam, trong đó có nội dung quy định về tội tổ chức mại dâm. Tại Điều 9 Sắc luật số 03-SL có quy định:

Phạm tội một trong các trường hợp sau đây: Cờ bạc, tổ chức mại dâm, buôn bán tàng trữ ma tuý và các chất độc hại khác thì bị phạt tù từ 3 tháng đến 5 năm. Trường hợp nghiêm trọng thì bị phạt tù tới 15 năm. Trong mọi trường hợp có thể bị phạt tiền đến 1000 đồng tiền ngân hàng [44, tr.254]. Tháng 04 năm 1976 Bộ Tư pháp - Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam đã ra thông tư số 03/TT/BTP hướng dẫn thi hành sắc luật số 03- SL quy định tội phạm và hình phạt. Ngoài hình phạt chính được quy định trong Điều 9 của Sắc luật số 03-SL ngày 13 tháng 3 năm 1976. Thông tư số 03/TT/BTP còn quy định hình phạt bổ sung có thể áp dụng đối với bị cáo.

Ngày 06 tháng 7 năm 1977 Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Chỉ thị số 54/TANDTC hướng dẫn việc thi hành thống nhất Sắc luật trong cả nước.

Qua đó ta thấy rằng, Sắc luật số 03/SL ngày 15 tháng 3 năm 1976 và thông tư số 03/TT/BTP, tề nạn mại dâm đã được quy định là tội phạm dưới tên gọi cụ thể “tổ chức mại dâm”. Là văn bản pháp luật hình sự đầu tiên quy định tội phạm về mại dâm và hình phạt cụ thể được áp dụng với tội phạm này. Các hình phạt bao gồm hình phạt chính và hình phạt bổ sung đã được quy định cụ thể, bước đầu đã có sự phân hóa trách nhiệm hình sự đối với từng loại tội phạm.

1.3.2. Giai đoạn từ năm 1985 đến năm 1999

Trước khi nhà nước ban hành Bộ luật hình sự năm 1985, tề nạn mại dâm được quy định trong Sắc luật số 03-SL ngày 15 tháng 3 năm 1976, Sắc luật đã có vai trò quan trọng trong công cuộc đấu tranh với tội phạm nói chung và đấu tranh bài trừ tề nạn mại dâm nói riêng, có ý nghĩa rất to lớn về mặt lập pháp cũng như thực tiễn. Nhưng Sắc luật này còn quy định một cách chung chung, chưa cụ thể dẫn đến việc áp dụng không được thống nhất. Trong khi đó tề nạn mại dâm ngày càng diễn biến phức tạp cần phải được quy định thành điều luật trong Bộ luật hình sự. Đáp ứng yêu cầu này Bộ luật hình sự năm 1985 đã quy định tội phạm về mại dâm ở điều luật cụ thể.

Tại điều 202 Bộ luật hình sự năm 1985 hành vi môi giới mại dâm và chứa mại dâm được quy định là tội phạm với tội danh “*Tội chứa mại dâm, tội môi giới mại dâm*”.

Người nào chứa mại dâm, dụ dỗ hoặc dẫn dắt người mại dâm thì bị phạt tù từ sáu tháng đến năm năm.

Phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng hoặc tái phạm nguy hiểm thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm [41, Điều 202].

Bộ luật hình sự năm 1985 đã quy định hình phạt bổ sung áp dụng cho tội chứa mại dâm như sau:

...

Người nào phạm một trong các tội quy định tại Điều 119 đến Điều 203 thì có thể bị phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ một năm đến năm năm.

Người nào phạm một trong các tội quy định tại các điều từ 119 đến 203 thì bị phạt tiền từ 50.000 đồng đến 2.500.000 đồng và có thể bị tịch thu một phần tài sản [41, Điều 218].

Ngoài ra, còn các văn bản dưới luật để cụ thể hoá hơn nữa Bộ luật hình sự và hỗ trợ cho việc thi hành Bộ luật hình sự được thống nhất đó là:

Chỉ thị 14/CT ngày 16 tháng 01 năm 1986 của Chủ tịch hội đồng Bộ trưởng *“Về các biện pháp giải quyết vấn đề cứu tế xã hội và tệ nạn xã hội”*

Chỉ thị số 135-HĐBT ngày 14 tháng 4 năm 1989 của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng *“Về giải quyết vấn đề xã hội trong tình hình mới”*

Nghị định 142/HĐBT ngày 25 tháng 4 năm 1991 của Hội đồng bộ trưởng về xử phạt vi phạm hành chính

Nghị quyết số 05/CP ngày 29 tháng 01 năm 1993 của Chính phủ về ngăn chặn và phòng chống tệ nạn mại dâm

Chỉ thị số 33/CT-TU ngày 01 tháng 3 năm 1994 của Ban chấp hành Trung ương *“về lãnh đạo phòng, chống tệ nạn xã hội”*

Ngày 22 tháng 4 năm 1994 Bộ Nội vụ đã ban hành chỉ thị số 05/BNV về phòng ngừa, ngăn chặn và chống tệ nạn mại dâm, văn bản này nhằm thực hiện và cụ thể hoá Chỉ thị số 33-CT/TU ngày 01 tháng 3 năm 1994 của Ban chấp hành Trung ương.

Nghị định 53/CP ngày 26 tháng 6 năm 1994 quy định các biện pháp xử lý đối với cán bộ, viên chức nhà nước và những người có liên quan.

Ngày 15 tháng 8 năm 1996 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 49/CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự.

Trong các báo cáo tổng kết ngành Tòa án và trong các nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đều quán triệt đường lối xét xử đối với các loại tội phạm có liên quan tới tệ nạn mại dâm, hướng dẫn Tòa án nhân dân các cấp trong công tác xét xử như Chỉ thị 136/NCPL ngày 11 tháng 3 năm 1993 của Tòa án

nhân dân tối cao hướng dẫn thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ về phòng, chống và kiểm soát ma túy và chống tệ nạn mại dâm; Chỉ thị số 30/VP ngày 22 tháng 01 năm 1994; Chỉ thị số 334/VP ngày 26 tháng 5 năm 1994.

Tội chứa mại dâm được sửa đổi vào lần thứ tư năm 1997 để hoàn thiện hơn:

1. Người nào chứa mại dâm, dụ dỗ hoặc dẫn dắt người mại dâm thì bị phạt tù từ một năm đến bảy năm.

2. Phạm tội một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

- a. Cường bức mại dâm;
- b. Phạm tội nhiều lần;
- c. Đối với người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi;
- d. Gây hậu quả nghiêm trọng; đ. Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ mười năm đến hai mươi năm:

- a. Đối với trẻ em từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi;
- b. Có nhiều tình tiết quy định tại khoản 2 điều này;
- c. Gây hậu quả rất nghiêm trọng.

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ hai mươi năm hoặc tù chung thân:

- a. Có nhiều tình tiết quy định tại khoản 3;
- b. Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng [38].

Qua lần sửa đổi năm 1999, Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1985 đã được sửa đổi bổ sung, cụ thể như sau:

- Quy định cụ thể các khung hình phạt.
- Tăng nặng hình phạt.
- Tách các trường hợp phạm tội để phân hóa trách nhiệm hình sự.
- Bổ sung một số tình tiết tăng nặng định khung.

1.4. Quy định tội chứa mại dâm trong pháp luật quốc tế và một số nước.

1.4.1. Quy định trong pháp luật hình sự quốc tế

Tội nạn mại dâm xuất hiện từ rất sớm, nó tồn tại và phát triển mọi lúc mọi nơi trên thế giới. “*Mại dâm có thể bắt nguồn từ hành dâm với mục đích hiến tế hoặc tôn giáo trong thời kỳ cổ ở nhiều nước...*” [35, tr.174]. Khi nghiên cứu về vấn đề này Ph.Ăng ghen cho rằng:

Lúc đầu hiến thân là một hành vi tôn giáo diễn ra trong đền Nữ thần ái tình và lúc đầu số tiền thu được đều phải hỗ trợ vào quy của đền. Những nữ tử trong đền thờ ANATITS ở ACMONI, trong đền APHROPITE ở CANNATHE cũng như những vũ nữ tôn giáo trong các đền thờ Ấn Độ... đều là những người mại dâm đầu tiên [4, tr.312].

Tùy theo điều kiện phát triển kinh tế - chính trị - xã hội, cũng như phong tục tập quán và cách nhìn nhận khác nhau mà từng quốc gia trên thế giới có cách đánh giá và xử lý đối với tội nạn mại dâm nói chung và hành vi chứa mại dâm nói riêng là khác nhau. Có những nước cấm, có những nước lại hợp pháp hóa hoặc đặt ra những biện pháp quản lý hành chính để kiểm soát tội nạn mại dâm. Tùy thuộc theo quan điểm của các quốc gia trong việc cấm hay hợp pháp hóa mà Nhà nước đó ban hành các văn bản pháp luật khác nhau.

Để đấu tranh với tội nạn này, Liên hợp quốc đã có nhiều Công ước Quốc tế, Nghị định thư hoặc các tuyên bố, nguyên tắc và khuyến nghị như: Công ước về trấn áp tội buôn người và bóc lột mại dâm người khác năm 1949, Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ năm 1979 và Công ước về quyền trẻ em năm 1989. Đây là ba công ước có liên quan đến phòng, chống mại dâm.

Gần đây Liên hợp quốc có Chương trình hành động phòng chống buôn bán người và bóc lột mại dâm người khác vào năm 1996. Các quốc gia cấm tuyệt đối mại dâm dưới mọi hình thức: Theo hướng này, trước hết phải kể đến các quốc gia theo đạo Hồi truyền thống. Ví dụ như ở Iran, người ta có thể đưa gái mại dâm ra xử tử, ném đá đến chết theo Luật của đạo Hồi. Có thể nói Luật lệ của đạo Hồi rất khắt

khe đối với người phụ nữ hành nghề mại dâm, điều đó là nguyên nhân khiến mọi người khiếp sợ và tránh xa mại dâm, làm giảm đáng kể tỉ lệ mại dâm ở các nước này.

1.4.2. Quy định trong pháp luật Nhật Bản

Luật phòng chống mại dâm của Nhật Bản ban hành đầu tiên năm 1956 sau đó sửa đổi thay thế vào năm 1991.

Điều 12 Luật phòng chống mại dâm Nhật bản quy định về kinh doanh mại dâm: Người nào kinh doanh theo cách buộc người khác sống tại một địa điểm do mình sở hữu hoặc mình quản lý hoặc tại một địa điểm do mình sở hữu hoặc sắp đặt và buộc người đó hoạt động mại dâm thì bị phạt tù khổ sai đến 10 năm hoặc bị phạt tiền đến 300 ngàn Yên [57, tr. 24].

Điều 13: “*Không người nào được phép hành nghề mại dâm hoặc là khách hàng của người hành nghề mại dâm*” và nghiêm cấm các hành vi: gạ gẫm mại dâm, dẫn dắt người khác hành nghề mại dâm, chứa mại dâm, ép buộc người khác hành nghề mại dâm, nhận tiền bán dâm, ký kết hợp đồng để người khác thành người hành nghề mại dâm, cung cấp tiền bạc cho hoạt động mại dâm [57, tr.24].

Sự giống nhau giữa pháp luật Việt Nam và pháp luật Nhật Bản là hành vi chứa mại dâm là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm, người thực hiện hành vi này đều bị xử phạt. Điểm khác nhau cơ bản trong quy định của pháp luật Nhật Bản và pháp luật Việt Nam về hành vi chứa mại dâm là hành vi chứa mại dâm ở Nhật Bản là hành vi phạm tội được quy định rõ ràng tại các điều luật của Luật phòng chống mại dâm và có chế tài xử phạt kèm theo. Theo pháp luật Việt Nam thì người thực hiện hành vi chứa mại dâm phải chịu hình phạt tù, phạt tiền là hình phạt bổ sung có thể bị áp dụng đối với người phạm tội. Theo pháp luật của Nhật Bản thì người có hành vi chứa mại dâm có thể bị phạt tù hoặc phạt tiền. So sánh hình phạt được áp dụng với người phạm tội chứa mại dâm thì hình phạt trong pháp luật Việt Nam quy định có tính nghiêm khắc hơn pháp luật Nhật Bản, mức hình phạt được áp dụng cao nhất đối với người thực hiện hành vi phạm tội là chung thân, trong khi đó pháp luật Nhật Bản mức cao nhất được áp dụng đối với người phạm tội chứa mại dâm là 10 năm tù.

1.4.3. Quy định trong pháp luật Cộng hòa nhân dân Trung Hoa

Trung Quốc là nước có nhiều nét tương đồng về kinh tế - xã hội cũng như phong tục tập quán với Việt Nam, pháp luật Trung Quốc đã nghiêm cấm tệ nạn mại dâm nói chung và tội chứa mại dâm nói riêng. Hình phạt áp dụng đối với người phạm tội chứa mại dâm rất nghiêm khắc.

Qua tìm hiểu quy định Bộ luật hình sự của Trung Quốc về tội chứa mại dâm chúng ta thấy rằng pháp luật hình sự của Trung Quốc quy định tội phạm về mại dâm là tội phạm nguy hiểm, hình phạt áp dụng đối với người phạm tội về mại dâm rất nghiêm khắc, có thể bị áp dụng hình phạt cao nhất là tử hình đối với người phạm loại tội này và phạt tiền đối với người phạm tội là bắt buộc.

1.4.4. Quy định trong pháp luật Liên bang Nga

Liên quan đến các tội về mại dâm, Bộ luật hình sự Liên bang Nga quy định hai tội về mại dâm tại chương XXV - Tội xâm phạm sức khỏe của dân chúng và đạo đức xã hội.

So sánh quy định tội phạm về mại dâm theo Luật hình sự của Liên bang Nga và Luật hình sự của Việt Nam có những điểm giống và khác nhau. Điểm giống nhau là Bộ luật hình sự Liên bang Nga và Bộ luật hình sự Việt Nam đều coi hành vi dụ dỗ, lôi kéo, tổ chức cho người khác hành nghề mại dâm cũng như hành vi bảo kê các tụ điểm mại dâm và chứa chấp hoạt động mại dâm thì bị coi là tội phạm. Hình phạt được áp dụng đối với tội phạm về mại dâm nói chung và chứa mại dâm nói riêng Bộ luật hình sự Liên bang Nga mang tính giáo dục, phòng ngừa là chính, chủ yếu là hình phạt tiền tính trên mức thu nhập, theo Bộ luật hình sự Việt Nam chế tài được áp dụng với các tội về mại dâm nghiêm khắc hơn, hình phạt cao nhất được áp dụng đối với người phạm tội chứa mại dâm là tù chung thân.

Nhận xét chung: Hiện nay trên thế giới có khoảng gần 10 nước là hoàn toàn cấm các hành vi mại dâm (được quy định trong văn bản pháp luật của Nhà nước). Cách quy định trong điều luật của mỗi nước về hành vi mại dâm là khác nhau. Hình phạt được áp dụng đối với người phạm tội chứa mại dâm ở các nước châu Âu nhẹ hơn so với các nước ở châu Á.

Bên cạnh các nước theo khuynh hướng cấm tuyệt đối với các hoạt động mại dâm thì vẫn nhiều nước cho phép mại dâm được công khai hoạt động dưới sự quản lý của Nhà nước. Việc kiểm soát mại dâm bằng cách hạn chế hay cấp môn bài cho gái mại dâm hoặc nhà chứa. Hà Lan là nước hiện nay được cả thế giới coi là có chính sách mở cửa thông thoáng nhất: Nhà nước cấp giấy phép cho các cơ sở kinh doanh mại dâm. Khu phố đèn đỏ ở thủ đô Amsterdam là trung tâm của thế giới sex Hà Lan. Không chỉ có Hà Lan tổ chức các “khu đèn đỏ” kiểu này mà ở ngay gần Việt Nam chỉ cần đi dạo quanh các khu phố ở Băng Cốc (Thái Lan), Phnôm Pênh (Campuchia) chúng ta cũng sẽ gặp nhiều khu phố tương tự.

Ở các nước theo khuynh hướng thể chế hóa về mặt quản lý nhà nước bằng luật pháp đối với hoạt động mại dâm nói chung và chứa mại dâm nói riêng như Thái Lan, Hà Lan, Campuchia... thì nhà nước đề ra các biện pháp bắt buộc đăng kí, đóng thuế môn bài, bắt buộc khám chữa bệnh đối với các nhà chứa và gái hành nghề mại dâm. Tất cả các hành vi mại dâm ở các nơi khác và không qua sự kiểm soát của Nhà nước đều bị xử lý về mặt hành chính và có thể bị xử lý cả về mặt hình sự. Như vậy, việc pháp luật của các quốc gia trên thế giới ngăn cấm mại dâm hoàn toàn hoặc cho phép hoạt động mại dâm hoạt động như một “nghề” là do sự phát triển về kinh tế - chính trị - văn hóa - xã hội của riêng từng nước, là sự nhìn nhận của cộng đồng xã hội cũng như các giá trị truyền thống, thuần phong mỹ tục của quốc gia đó. Việc nghiên cứu, đánh giá các quy định của pháp luật quốc tế và pháp luật của một số quốc gia trên thế giới về chính sách đối với tệ nạn mại dâm nói chung và hành vi chứa mại dâm nói riêng là một điều rất quan trọng trong công cuộc đấu tranh phòng chống từng bước loại bỏ tệ nạn này ra khỏi đời sống xã hội.

Kết luận chương 1

Trong Chương 1, tác giả kết luận một số vấn đề chính như sau:

Tác giả đã đi tìm hiểu và khái niệm cũng như là ý nghĩa của việc quy định tội chứa mại dâm trong Bộ luật hình sự Việt Nam. Trong phần này tác giả chủ yếu tập trung làm sáng tỏ về định nghĩa của tội chứa mại dâm để có cách hiểu thống nhất và làm tiền đề cho các phần tiếp theo.

Tiếp đến tác giả đi tìm hiểu về những lý luận làm tiền đề cho việc xét xử tội chứa mại dâm trong bộ luật hình sự Việt Nam, tác giả chủ yếu tìm hiểu về vấn đề định tội danh và quyết định hình phạt.

Tìm hiểu về quá trình hình thành và phát triển của tội chứa mại dâm trong từng thời kỳ cụ thể để có cái nhìn tổng quát về quá trình lập pháp nói chung cũng như là quá trình xây dựng tội chứa mại dâm nói riêng.

Cuối cùng tác giả nghiên cứu về một số quy định liên quan đến tệ nạn mại dâm và tội chứa mại dâm trong pháp luật hình sự quốc tế và pháp luật hình sự của một số nước trên thế giới.

Chương 2

TỘI CHỨA MẠI DÂM TRONG BLHS NĂM 1999 VÀ THỰC TIỄN XÉT XỬ TỘI PHẠM NÀY TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

2.1. Quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về tội chứa mại dâm

2.1.1. Các dấu hiệu pháp lý của tội chứa mại dâm

Tội chứa mại dâm được quy định tại Điều 254 Bộ luật hình sự năm 1999, chúng ta lần lượt nghiên cứu 4 yếu tố cấu thành tội chứa mại dâm.

2.1.1.1. Khách thể của tội chứa mại dâm

Xuất phát từ khái niệm của tội phạm nói chung, chúng ta xác định khách thể của tội phạm chứa mại dâm là trật tự công cộng. Cụ thể:

Hành vi chứa mại dâm một khi được thực hiện sẽ gây tác động tiêu cực đến nếp sống văn minh, thuần phong mỹ tục của dân tộc và các quan hệ đạo đức xã hội, huỷ hoại nhân cách con người, gây thiệt hại về vật chất, tinh thần cho nhiều gia đình, cá nhân là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác, làm lây truyền nhiều bệnh xã hội nguy hiểm đặc biệt là việc lây truyền HIV/AIDS.

Những quan hệ xã hội nêu trên chính là khách thể của tội chứa mại dâm được quy định tại Điều 254 Bộ luật hình sự năm 1999.

2.1.1.2. Mặt khách quan của tội chứa mại dâm

Mặt khách quan của tội chứa mại dâm là những biểu hiện của tội chứa mại dâm ra thế giới khách quan bằng hành vi khách quan của tội phạm.

Điều 254 Bộ luật hình sự năm 1999 chỉ nêu tội danh chứa mại dâm mà không mô tả dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tội này. Do đó, hành vi khách quan của tội chứa mại dâm đã được thực tiễn thừa nhận và đến năm 2003 thì được xác định cụ thể trong các văn bản chuyên ngành. Đó là Pháp lệnh phòng, chống mại dâm năm 2003 và Nghị định 178/2004/NĐ - CP năm 2004.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Pháp lệnh phòng, chống mại dâm năm 2003 thì: Hành vi chứa mại dâm “*Là hành vi sử dụng, thuê, cho thuê hoặc mượn, cho mượn địa điểm, phương tiện để thực hiện việc mua dâm, bán dâm*” [52].

Theo Nghị định số 178/2004/NĐ - CP năm 2004 thì: “Cho thuê, cho mượn địa điểm, phương tiện để hoạt động mại dâm” quy định tại khoản 4, Điều 3 của Pháp lệnh phòng, chống mại dâm là hành vi của tổ chức, cá nhân có quyền quản lý, chiếm hữu, sử dụng hoặc định đoạt tài sản mà cho thuê, cho mượn để hoạt động mại dâm [9].

Tội chứa mại dâm là tội có cấu thành hình thức, do đó mặt khách quan của tội phạm này chỉ đòi hỏi người phạm tội thực hiện hành vi chứa mại dâm.

Hành vi khách quan của tội chứa mại dâm thường được biểu hiện dưới nhiều hình thức khác nhau trong thực tiễn xét xử xảy ra vô vàn các tình huống khác nhau:

- Sử dụng địa điểm, phương tiện thuộc quyền quản lý, chiếm hữu, sử dụng, định đoạt của mình cho việc mua dâm, bán dâm.

- Cho thuê địa điểm để gái mại dâm và khách mua dâm quan hệ tình dục:

Cho thuê địa điểm là hành vi để người mại dâm sử dụng nhà ở, địa điểm khác của mình trong một thời gian với mục đích thu lợi. Nhà ở có thể là nhà thuộc sở hữu của người phạm tội hoặc địa điểm do người phạm tội thuê, mượn... trong trường hợp này, việc truy cứu trách nhiệm hình sự chỉ đặt ra nếu chủ nhà biết mục đích thuê nhà của người mại dâm là sử dụng để hoạt động mại dâm.

- Hành vi cho mượn địa điểm, phương tiện để gái mại dâm và khách mua dâm thực hiện hành vi mua bán dâm.

Ở đây người phạm tội không thu tiền của gái bán dâm hoặc khách mua dâm, nhìn bên ngoài chúng ta thấy không có lợi nhuận trong việc chứa mại dâm nhưng đây chính là thủ đoạn, là mảnh khóc để thu hút, lôi kéo được nhiều khách đến địa điểm kinh doanh của mình nhằm thu được nhiều lợi nhuận, mục đích vụ lợi trong trường hợp này không thể hiện trực tiếp mà thể hiện một cách gián tiếp.

- Hành vi thiết kế phòng, địa điểm mại dâm và các điều kiện vật chất khác để phục vụ mại dâm.

Trong trường hợp này, người phạm tội đã có hành vi thiết kế, bố trí phòng, tạo điều kiện thuận lợi cũng như cung cấp các điều kiện vật chất khác để phục vụ hoạt động mại dâm. Hành vi thiết kế, bố trí được thể hiện ngay từ khi người phạm

tội xác định việc xây dựng thiết kế nhà, địa điểm khác nhằm mục đích chứa mại dâm và việc chứa mại dâm đã được thực hiện. Tuy nhiên, nếu trong trường hợp mới chỉ có hành vi bố trí, thiết kế phòng nhằm mục đích chứa mại dâm, nhưng việc chứa mại dâm chưa được thực hiện thì hành vi này không bị coi là chứa mại dâm.

- Hành vi nhận gái bán dâm làm nhân viên hoặc người làm thuê để che mắt các cơ quan chức năng.

Đây là một trong những hành vi thể hiện thủ đoạn của người phạm tội nhằm trốn tránh pháp luật, hành vi này diễn ra khá phổ biến trong thực tiễn. Việc nhận gái mại dâm là người làm thuê hay tuyển tiếp viên chỉ là hành động nhằm che đậy, là vỏ bọc cho hoạt động mại dâm trá hình. Thực tiễn cho thấy, có những trường hợp người phạm tội đã nhận gái mại dâm vào làm nhân viên cho cơ sở kinh doanh do mình quản lý để hoạt động mại dâm. Đôi khi những gái bán dâm còn được bố trí ở ngay nơi làm việc.

Như vậy, trên thực tế hành vi chứa mại dâm được thực hiện dưới rất nhiều hình thức khác nhau, những hành vi nêu trên chỉ mang tính điển hình nhưng tự nó đã nói lên tính nguy hiểm cho xã hội mà hành vi chứa mại dâm mang lại. Hầu hết các hành vi chứa mại dâm đều nhằm mục đích vụ lợi, mà người phạm tội đã bất chấp pháp luật, đạo đức xã hội, nếp sống văn minh sức khỏe và danh dự của người khác. Hành vi của người phạm tội đã xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, làm phương hại đến đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc, đồng thời còn là nguồn lây lan các căn bệnh xã hội nguy hiểm như bệnh lậu, giang mai, đặc biệt là việc làm lây truyền HIV/AIDS.

Khi xác định hành vi chứa mại dâm, trong một số trường hợp cần lưu ý:

Trong hành vi chứa mại dâm có hoạt động mua dâm, bán dâm tức là phải có cả người mua lẫn người bán và hai người phải thực hiện việc giao cấu. Người bán dâm là người thực hiện việc giao cấu với người mua dâm để nhận tiền hay lợi ích vật chất khác; còn mua dâm là hành vi của người dùng tiền hoặc lợi ích vật chất khác trả cho người bán dâm để được giao cấu. Nếu chỉ chứa người bán dâm còn

việc mua, bán dâm được thực hiện ở địa điểm khác mà không phải địa điểm người bán dâm ở thì người có hành vi chứa người bán dâm không phạm tội chứa mại dâm.

Địa điểm mà người phạm tội sử dụng, thuê, cho thuê hoặc mượn, cho mượn để thực hiện việc mua dâm, bán dâm là tương đối đa dạng; Có khi là những khách sạn hạng sang nhưng có thể chỉ là một chiếc thuyền, một lều vó, một phòng nhỏ trong quán cà phê, quán karaoke, quán cơm, nhà tắm...

Phương tiện mà người phạm tội sử dụng, thuê, cho thuê hoặc mượn, cho mượn để thực hiện việc mua dâm, bán dâm tuy không phải là địa điểm nhưng có phục vụ cho hoạt động mại dâm được thực hiện như: Giường, chiếu, chăn màn, thuốc kính dục... trong trường hợp cung cấp các phương tiện tránh thai như bao cao su, thuốc tránh thai cho người bán dâm thì cần phân biệt: nếu biết có việc mại dâm mà cung cấp thì mới bị coi là chứa mại dâm; nếu biết là gái dâm mà cung cấp thuốc tránh thai hoặc bao cao su, còn việc thực hiện hành vi mại dâm ở đâu, vào lúc nào, người cung cấp bao cao su không biết thì không bị coi là chứa mại dâm.

Trường hợp dùng tiền để thuê địa điểm, trả tiền cho gái bán dâm nhưng để người khác giao cấu người bán dâm (chiêu đãi) thì cũng bị coi là hành vi chứa mại dâm.

Trường hợp chứa hai người đồng giới để họ làm tình với nhau thì không coi hành vi đó là chứa mại dâm vì không có việc giao cấu xảy ra.

Ngoài ra, theo quy định tại mục 1, phần II Nghị quyết số 02/2003/NQ - HĐTP ngày 17 tháng 4 năm 2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 thì:

a) Trong trường hợp chủ hoặc người quản lý khách sạn, nhà trọ... gọi gái mại dâm đến cho khách để họ mua bán dâm ngay tại khách sạn, nhà trọ... thuộc quyền sở hữu, chiếm hữu hoặc quản lý của người gọi gái mại dâm thì người đó chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội chứa mại dâm.

b) Trong trường hợp chủ hoặc người quản lý khách sạn, nhà trọ... vừa gọi gái mại dâm đến cho khách để họ mua bán dâm ngay tại khách sạn, nhà trọ... thuộc quyền sở hữu, chiếm hữu hoặc quản lý của người gọi gái mại dâm vừa còn gọi gái

mại dâm khác cho khách mua dâm khác để họ thực hiện hành vi mua bán dâm tại nơi khác thì người phải chịu trách nhiệm hình sự về “tội chứa mại dâm” và “tội môi giới mại dâm [46].

Tội chứa mại dâm là tội có cấu thành hình thức, tội phạm hoàn thành về mặt pháp lý khi thực hiện các hành vi khách quan của tội phạm, không đòi hỏi hoạt động mua bán dâm phải đạt kết quả.

Trong mặt khách quan của tội chứa mại dâm, ngoài hành vi khách quan chúng ta cần chú ý tới các dấu hiệu khác như thủ đoạn, phương pháp phạm tội... các dấu hiệu này cần được xem xét khi đánh giá tính chất nguy hiểm của tội phạm để quyết định hình phạt. Thực tiễn cho thấy, người phạm tội thường trực thực hiện tội phạm bằng nhiều thủ đoạn tinh vi và xảo quyệt nhằm trốn tránh sự phát hiện của nhân dân và các cơ quan chức năng. Các địa điểm chứa mại dâm thường được ngụy trang dưới các vỏ bọc như nhà hàng, khách sạn, quán ăn, tiệm cắt tóc, tụ điểm karaoke... vì vậy, rất khó để có thể phát hiện. Do đó, để phát hiện và xử lý có hiệu quả tội phạm chứa mại dâm cần sự quan tâm đặc biệt của các cấp chính quyền địa phương, của các cơ quan chuyên trách và sự hỗ trợ tích cực của quần chúng nhân dân.

2.1.1.3. Mặt chủ quan của tội chứa mại dâm

Theo quy định tại Điều 254 Bộ luật hình sự năm 1999 thì tội chứa mại dâm được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Trong tội chứa mại dâm, người phạm tội nhận thức được hành vi của mình tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động mua bán dâm như: Sử dụng, thuê, cho thuê, hoặc mượn, cho mượn địa điểm phương tiện để thực hiện việc mua dâm, bán dâm. Người chứa mại dâm nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, bị pháp luật hình sự nghiêm cấm, nhận thức rõ tính chất xâm phạm đến trật tự công cộng nhưng vẫn tìm mọi cách mong muốn hành vi được thực hiện.

Chủ thể thực hiện hành vi chứa mại dâm nhận thức rõ tính chất hành vi nguy hiểm cho xã hội của hành vi mà vẫn quyết định thực hiện hành vi đã cho thấy thái

độ mong muốn hành vi được thực hiện của chủ thể. Vì thế phải khẳng định rằng: đối với tội chứa mại dâm, dấu hiệu lỗi trong mặt chủ quan là lỗi cố ý trực tiếp.

Đối với tội chứa mại dâm, mục đích và động cơ phạm tội không phải là dấu hiệu bắt buộc vì vậy khi xác định tội danh không cần phải xét đến các dấu hiệu này. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cũng nên xác định động cơ và mục đích phạm tội cụ thể của người phạm tội để tuyên một hình phạt cho phù hợp. Trong vụ án chứa mại dâm, động cơ phạm tội nói chung thường không có tính quyết định đến tính chất nguy hiểm của tội phạm. Thường thì động cơ phạm tội xuất phát từ việc người phạm tội muốn làm giàu nhanh chóng, kiếm được nhiều tiền mà không phải từ việc lao động chân chính. Thực tiễn xét xử các vụ án mại dâm đã cho thấy, phần lớn việc phạm tội đều do động lực kinh tế thúc đẩy.

Động cơ và mục đích phạm tội thường đi liền với nhau. Mục đích phạm tội chính là cái đích trong ý thức phạm tội mà người phạm tội đặt ra vấn đề đạt được nó nên họ tiến hành thực hiện hành vi phạm tội. Mục đích phạm tội cũng chỉ đặt ra đối với trường hợp phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, bởi chỉ trong những trường hợp này họ mới có sự mong muốn thực hiện hành vi phạm tội để đạt được mục đích nhất định. Chúng ta thường thấy động cơ trong các vụ án chứa mại dâm là vụ lợi. Ở đây, vụ lợi có thể hiểu là những lợi ích vật chất hoặc những lợi ích phi vật chất mà người phạm tội đã đạt được khi thực hiện hành vi chứa mại dâm. Tuy nhiên động cơ của hành vi chứa mại dâm không nhất thiết chỉ dừng lại ở việc thu lợi ích vật chất. Trong thực tế có những trường hợp người phạm tội chứa mại dâm mà không nhằm trực tiếp là kiếm lời mà với các mục đích khác như nhằm mua chuộc người khác, làm vui lòng bạn bè hay chỉ để quan sát, nhìn ngắm...

Do đó, nếu chỉ cho rằng mục đích vụ lợi là dấu hiệu bắt buộc của tội chứa mại dâm thì sẽ dẫn đến tình trạng bỏ lọt tội phạm.

Bất kỳ người nào có năng lực trách nhiệm hình sự, nếu có hành vi chứa mại dâm thì cũng bị coi là tội phạm và kể từ khi thực hiện hành vi chứa mại dâm thì tội phạm đã hoàn thành, mục đích vụ lợi chỉ là dấu hiệu mà chúng ta thường gặp trong các vụ án chứ không phải là cấu thành bắt buộc đối với loại tội phạm này.

2.1.1.4. Chủ thể của tội chứa mại dâm

Trong tội chứa mại dâm, người phạm tội là người có năng lực trách nhiệm hình sự, tức là họ nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, bị pháp luật cấm thực hiện và họ hoàn toàn có khả năng điều khiển hành vi của mình để không thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng họ vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Điều đó có nghĩa là người phạm tội hoàn toàn tự chủ và có ý thức rõ ràng về hành vi nguy hiểm mà mình thực hiện cho xã hội.

Bên cạnh năng lực trách nhiệm hình sự, chủ thể của tội phạm nói chung cũng như chủ thể tội chứa mại dâm nói riêng còn phải là người đạt độ tuổi nhất định. Điều 12 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định về tuổi chịu trách nhiệm hình sự như sau: *“Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm; người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng”* [39].

Theo khoản 3 Điều 8 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định: Tội phạm rất nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại cho xã hội mà mức cao nhất khung hình phạt đối với tội ấy là đến mười lăm năm tù; tội phạm đặc biệt nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại đặc biệt lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là trên mười lăm năm tù, tù chung thân hoặc tử hình [39].

Như vậy theo quy định tại khoản 3 Điều 8, các Điều 12, 13 và Điều 254 Bộ luật hình sự năm 1999 thì chủ thể của tội chứa mại dâm không phải là chủ thể đặc biệt, tức là bất cứ người nào có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi nhất định khi thực hiện hành vi chứa mại dâm, người thực hiện hành vi chứa mại dâm từ đủ 14 tuổi hoặc 16 tuổi trở lên tùy theo khung hình phạt thì phạm tội chứa mại dâm.

Qua việc nghiên cứu và phân tích bốn yếu tố cấu thành tội phạm của tội chứa mại dâm có thể thấy rằng chúng là một thể thống nhất có quan hệ biện chứng với nhau từ đó cho chúng ta nhận thức tính nguy hiểm của hành vi chứa mại dâm gây ra, đồng thời nó là căn cứ pháp lý quan trọng để phân biệt tội chứa mại dâm với một số tội phạm khác.

2.2. Quy định về hình phạt đối với tội chứa mại dâm

Từ việc nghiên cứu các quy định của Bộ luật hình sự về hình phạt và nghiên cứu hình phạt được áp dụng cho tội chứa mại dâm, có thể thấy rằng chứa mại dâm là tội phạm có tính nguy hiểm cao cho xã hội, xâm phạm đến các quan hệ xã hội quan trọng được luật hình sự bảo vệ. Trong những năm gần đây hoạt động chứa mại dâm diễn biến vô cùng phức tạp và thủ đoạn phạm tội ngày càng tinh vi, khó khăn cho việc phát hiện tội phạm. Điều 254 Bộ luật hình sự năm 1999 đã quy định bốn khung hình phạt chính áp dụng đối với người phạm tội chứa mại dâm, bên cạnh đó người phạm tội còn có thể bị áp dụng một số hình phạt bổ sung.

2.2.1. Hình phạt chính

Theo quy định tại Điều 254 Bộ luật hình sự năm 1999 thì hình phạt chính được áp dụng đối với tội chứa mại dâm là hình phạt tù. Theo đó người phạm tội có thể bị phạt tù cao nhất đến hai mươi năm hoặc tù chung thân.

- Khoản 1 quy định cấu thành tội phạm cơ bản của tội chứa mại dâm với hình phạt được áp dụng là “phạt tù từ một năm đến bảy năm”

- Khoản 2 quy định các dấu hiệu định khung tăng nặng thứ nhất với các dấu hiệu cụ thể là:

- a. Có tổ chức;
- b. Cường bức mại dâm;
- c. Phạm tội nhiều lần;
- d. Đối với người chưa thành niên từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi;
- đ. Gây hậu quả nghiêm trọng;
- e. Tái phạm nguy hiểm [39].

Khi người phạm tội thực hiện hành vi chứa mại dâm thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 như đã trích dẫn trên thì bị phạt tù từ năm năm đến mười lăm năm.

- Khoản 3 quy định các dấu hiệu định khung tăng nặng thứ hai. Theo đó người phạm tội sẽ bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm khi thực hiện hành vi phạm tội trong trường hợp:

“a. Đối với trẻ em từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi;

b. Gây hậu quả rất nghiêm trọng” [39]

- Khoản 4 quy định: “Phạm tội gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù hai mươi năm hoặc chung thân” [39].

Khung hình phạt cơ bản:

Trong trường hợp phạm tội không có các tình tiết tăng nặng ở khoản 2,3,4 Điều 254 Bộ luật hình sự năm 1999 thì khung hình phạt cơ bản được áp dụng đối với tội chứa mại dâm là “phạt tù từ một năm đến bảy năm”. Việc quyết định hình phạt cụ thể cần căn cứ vào quy định tại Điều 3 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định nguyên tắc xử lý, Điều 45 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định căn cứ quyết định hình phạt trên cơ sở cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

Cấu thành tội phạm cơ bản của tội chứa mại dâm khung hình phạt được quy định là phạt tù từ một năm đến bảy năm. Với quy định này tội chứa mại dâm ở khung cơ bản thuộc loại tội phạm nghiêm trọng.

Về các tình tiết định khung tăng nặng của tội chứa mại dâm

* Theo quy định tại khoản 2 Điều 254 Bộ luật hình sự năm 1999 gồm những tình tiết định khung tăng nặng sau:

a) Có tổ chức;

Theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Bộ luật hình sự năm 1999 thì: “*Phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm*” [39].

Theo đó, phạm tội chứa mại dâm có tổ chức là hình thức đồng phạm chứa mại dâm có hai người trở lên cùng cố ý thực hiện hành vi chứa mại dâm và giữa họ có sự cấu kết chặt chẽ, có sự phân công vai trò cụ thể.

Đây là một tình tiết mới so với Bộ luật hình sự năm 1985. Việc bổ sung tình tiết này là phù hợp với thực tiễn bởi trong những năm gần đây loại tội phạm này diễn ra hết sức phức tạp, có sự cấu kết giữa bọn chủ chứa, người môi giới và hoạt

động bảo kê trong việc cung cấp gái mại dâm, địa điểm thực hiện việc mua bán dâm và che dấu tội phạm do đó cần phải trừng trị nghiêm khắc đối với người phạm tội khi bị áp dụng tình tiết này.

b) Cường bức mại dâm;

Theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Pháp lệnh phòng, chống mại dâm năm 2003 thì: Cường bức mại dâm là hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn buộc người khác phải thực hiện việc bán dâm [52].

Theo đó, người phạm tội có hành vi sử dụng vũ lực (dùng sức mạnh vật chất tác động lên người khác), đe dọa dùng vũ lực (dùng lời nói, cử chỉ nhằm tác động lên người khác nhằm làm cho họ sợ hãi, nhục ý chí) hoặc dùng các thủ đoạn khác như khống chế bằng cách cho tiền, cho ăn mặc, quay phim đòi trụ... dùng nó làm phương tiện buộc họ phải miễn cưỡng bán dâm trái với ý muốn của họ.

c) Phạm tội nhiều lần;

Theo hướng dẫn tại mục 4 Nghị quyết số 01/2006/NQ - HĐTP ngày 12 tháng 5 năm 2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 thì: Chỉ áp dụng tình tiết “phạm tội nhiều lần” đối với người chứa mại dâm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Chứa mại dâm (không phân biệt tại một địa điểm hay tại các điểm khác nhau) một đôi hoặc nhiều đôi mua bán dâm khác nhau từ hai lần trở lên trong các khoảng thời gian khác nhau (không phân biệt thời gian dài hay ngắn);

- Chứa mại dâm hai đôi mua bán dâm trở lên độc lập với nhau trong cùng một khoảng thời gian;

- Chứa mại dâm một người mua bán dâm với hai người trở lên trong các khoảng thời gian khác nhau [53].

Đồng thời Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP cũng quy định không coi là phạm tội chứa mại dâm nhiều lần trong các trường hợp sau đây:

- Chứa mại dâm một đôi mua bán dâm trong một khoảng thời gian liên tục;

- Chứa mại dâm nhiều người (một nhóm) cùng đến mua bán dâm, nhưng chỉ một người trong số họ hoặc một số người trong số họ hoặc tất cả họ cùng nhau thoả

thuận đứng ra giao dịch với người chứa mại dâm để trả tiền thuê địa điểm, phương tiện một lần và việc mua bán dâm diễn ra trong cùng một khoảng thời gian [53].

Tuy nhiên, khi xác định trường hợp phạm tội chứa mại dâm nhiều lần cần chú ý: Nếu cùng một lúc, người phạm tội chứa hai đôi mại dâm trở lên ở nhiều địa điểm khác nhau thì cần phân biệt:

- Nếu tất cả những người mua bán dâm cử một người thuê địa điểm (nơi thực hiện) mua bán dâm rồi giao chìa khóa cho những người mua bán dâm thì chỉ coi là một lần phạm tội.

- Nếu từng người mua dâm thuê địa điểm thực hiện việc mua bán dâm mặc dù người chứa mại dâm cùng một lúc đưa chìa khóa phòng cho từng người mua dâm thì phải coi là trường hợp phạm tội nhiều lần.

d) Đối với người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi hoặc đối với trẻ em từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi.

Chứa mại dâm đối với người chưa thành niên là trường hợp phạm tội chứa người mua bán dâm từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.

Chứa mại dâm đối với trẻ em là trường hợp chứa mại dâm người từ đủ 13 tuổi nhưng chưa đủ 16 tuổi. Nếu chứa mại dâm người dưới 13 tuổi thì có thể bị xử phạt về tội hiếp dâm trẻ em theo quy định tại khoản 4 Điều 112 Bộ luật hình sự năm 1999.

Phạm tội chứa mại dâm đối với người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi và phạm tội đối với trẻ em từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi là những trường hợp phạm tội làm cho tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội tăng lên. Nguyên nhân là do người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi và trẻ em từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi là những đối tượng nhận thức còn non nớt, sự phát triển về thể chất cũng như tâm sinh lý còn chưa hoàn thiện. Tuy nhiên so với người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi thì đối tượng bị tác động là trẻ em từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi làm cho tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội tăng nặng hơn.

Việc xác định tuổi của người bị hại căn cứ Tiểu mục 2 mục 11 phần II Công văn số 81/2002/TANDTC ngày 10 tháng 6 năm 2002 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải đáp các vấn đề nghiệp vụ hướng dẫn như sau:

a) Nếu xác định được tháng cụ thể, nhưng không xác định được ngày nào trong tháng đó thì lấy ngày mùng một của tháng đó làm ngày sinh của người bị hại để xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị can, bị cáo;

b) Nếu xác định được quý cụ thể của năm, nhưng không xác định được ngày, tháng, năm nào trong quý đó thì lấy ngày mùng một của tháng đầu của quý đó làm ngày sinh của người bị hại để xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị can, bị cáo;

c) Nếu xác định được cụ thể nửa đầu năm hay nửa cuối năm, nhưng không xác định được ngày, ngày tháng nào của nửa đầu năm hay nửa cuối năm thì lấy ngày mùng một tháng giêng hoặc ngày mùng một tháng bảy tương ứng của năm đó làm ngày sinh của người bị hại để xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị can, bị cáo;

d) Nếu không xác định được nửa năm nào, quý nào, tháng nào trong năm, thì lấy ngày mùng một tháng giêng của năm đó làm ngày sinh của người bị hại để xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị can, bị cáo;

đ) Gây hậu quả nghiêm trọng [45].

Tình tiết gây hậu quả nghiêm trọng trong tội chứa mại dâm chưa được hướng dẫn, song có thể hiểu hậu quả nghiêm trọng bao gồm: hậu quả vật chất và hậu quả phi vật chất. Gây hậu quả nghiêm trọng ở đây có thể hiểu là những thiệt hại về tài sản, tính mạng, sức khỏe, ảnh hưởng đến việc thực hiện đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, gây mất ổn định chính trị...

Truyền bệnh cho người khác: là trường hợp người thực hiện hành vi chứa mại dâm biết rõ gái mại dâm mà mình đang chứa chấp bị nhiễm các bệnh như: lậu, giang mai, HIV/AIDS... nhưng vẫn buộc họ phải tiếp khách hoặc tổ chức cho họ bán dâm. Ngoài ra cũng không loại trừ trường hợp khách mua dâm bị bệnh, chủ chứa biết rõ điều đó song vẫn buộc gái mại dâm bán dâm cho khách... dẫn đến việc làm lây truyền các loại bệnh xã hội.

e) Tái phạm nguy hiểm;

Theo quy định tại khoản 2 Điều 49 Bộ luật hình sự năm 1999 thì: Những trường hợp sau đây được coi là tái phạm nguy hiểm:

a) Đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, chưa được xoá án tích mà lại phạm tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý;

b) Đã tái phạm, chưa được xoá án tích mà lại phạm tội do cố ý [39].

Người phạm tội chứa mại dâm bị áp dụng tình tiết định khung tăng nặng tại điểm e khoản 2 Điều 254 Bộ luật hình sự năm 1999 khi:

- Người phạm tội đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, chưa được xoá án tích mà lại phạm tội chứa mại dâm với các tình tiết được tăng nặng được quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 254.

- Người phạm tội đã tái phạm, chưa được xoá án tích mà nay lại thực hiện hành vi chứa mại dâm.

Sở dĩ như vậy vì tội chứa mại dâm có trường hợp là tội phạm nghiêm trọng (khoản 1), có trường hợp là tội phạm rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng (khoản 2, 3, 4).

* Trong khoản 3 (cấu thành tăng nặng) quy định hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm khi có một trong hai tình tiết sau:

a) Đối với trẻ em đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi;

b) Gây hậu quả rất nghiêm trọng [42].

So với trường hợp gây hậu quả nghiêm trọng (tại điểm đ khoản 2) thì trường hợp gây hậu quả rất nghiêm trọng có mức độ nguy hiểm, hậu quả gây ra đối với trật tự công cộng, lối sống đạo đức... lớn hơn nhiều. Chẳng hạn như: gây dư luận mạnh mẽ trong quần chúng nhân dân, lây truyền bệnh cho hàng chục người, lây nhiễm HIV/AIDS cho nhiều người, gây tổn hại nặng cho sức khoẻ của gái mại dâm do bị ép buộc hành nghề quá sức.

* Trong khoản 4 (cấu thành tăng nặng đặc biệt): Phạm tội gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù hai mươi năm hoặc tù chung thân [39].

Đây là khung hình phạt cao nhất mà Bộ luật hình sự quy định để xử lý tội chứa mại dâm; chứng tỏ quan điểm của các nhà làm luật với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi này đối với xã hội. Phạm tội chứa mại dâm gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng là trường hợp phạm tội gây hậu quả vượt quá mức bình thường nhiều lần, có thể dẫn đến những hậu quả tai hại.

So với tình tiết gây hậu quả nghiêm trọng và rất nghiêm trọng thì ở trường hợp gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng có tính chất và mức độ nguy hiểm đặc biệt lớn. Hậu quả mà hành vi chứa mại dâm gây ra ảnh hưởng lớn tới trật tự xã hội làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm với số lượng lớn, làm ảnh hưởng xấu đến uy tín của cán bộ, công chức hoặc uy tín của các cơ quan, tổ chức, làm xói mòn đạo đức truyền thống, làm ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của con người.

Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn, trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc những quy định của Thông tư 01/2011/TTLT-VKSTC-TANDTC-BCA-BTP-BLĐT BXH ngày 12/07/2011 giữa các cơ quan Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về xác định độ tuổi đối với bị can, bị cáo và người bị hại là người chưa thành niên, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã đưa vào một điều luật cụ thể Điều 417 quy định chặt chẽ về cách xác định độ tuổi của người bị buộc tội, người bị hại là người dưới 18 tuổi

2.2.2. Hình phạt bổ sung

Việc áp dụng các hình phạt chính đối với tội chứa mại dâm là cơ sở quan trọng trong công tác đấu tranh phòng chống loại tội phạm này. Bởi lẽ, hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người phạm tội. Bên cạnh các hình phạt chính, trong một số trường hợp để đảm bảo cho việc xử lý tội phạm này được hiệu quả, đồng thời ngăn ngừa việc tiếp tục phạm tội, cần áp dụng hình phạt bổ sung để xử lý người phạm tội. Đối với tội chứa mại dâm hình phạt bổ sung được quy định tại khoản 5 Điều 254 Bộ luật hình sự năm 1999 là: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến một trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, phạt quản chế từ một năm đến năm năm [39].

Phạt tiền

Phạt tiền là hình thức phạt, tước của người phạm tội một khoản tiền nhất định để sung công quỹ Nhà nước. Theo quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 thì phạt tiền vừa là hình phạt chính, vừa là hình phạt bổ sung. Tại Điều 254 Bộ luật hình sự năm 1999, phạt tiền được quy định là hình phạt bổ sung.

Như đã phân tích ở trên động cơ và mục đích phạm tội ở tội chứa mại dâm đa phần là nhằm vụ lợi. Người phạm tội thực hiện hành vi chứa mại dâm thường hướng tới mục đích chính là thu lợi từ hoạt động mua bán dâm. Do đó, bên cạnh việc trừng trị người phạm tội bằng hình phạt tù, cần bổ sung thêm hình phạt tiền, nhằm tước đi quyền lợi vật chất của họ, tác động vào tình trạng tài sản của người phạm tội, thông qua đó tác động đến ý thức của người phạm tội.

Mức phạt tiền từ năm triệu đồng đến một trăm triệu đồng được quyết định tùy theo tính chất và mức độ nghiêm trọng của tội phạm được thực hiện, đồng thời xét đến tình trạng tài sản của người phạm tội và sự biến động giá cả theo từng giai đoạn.

Tịch thu tài sản

Điều 40 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định: Tịch thu tài sản là tước một phần hoặc toàn bộ tài sản thuộc sở hữu của người bị kết án sung quỹ Nhà nước. Tịch thu tài sản chỉ được áp dụng đối với người bị kết án về tội nghiêm trọng, tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng trong trường hợp do Bộ luật này quy định. Khi tịch thu toàn bộ tài sản vẫn để cho người bị kết án và gia đình họ có điều kiện sinh sống [39].

Hình phạt tịch thu tài sản không những góp phần trừng trị nghiêm khắc người phạm tội mà còn mang tính phòng ngừa cao, hạn chế khả năng tái phạm trên thực tế. Khi tuyên hình phạt tịch thu tài sản đối với người phạm tội, Tòa án có thể tuyên tước một phần hoặc toàn bộ tài sản của họ. Tài sản bị tước phải thuộc sở hữu của người bị kết án.

Quản chế

Quản chế là hình phạt bổ sung buộc người bị kết án phải cư trú, làm ăn sinh sống và cải tạo ở một địa phương nhất định; có sự kiểm soát, giáo dục của chính

quyền và nhân dân địa phương. Trong thời gian quản chế, người bị kết án không được tự ý ra khỏi nơi cư trú, bị tước một số quyền công dân theo Điều 39 Bộ luật hình sự năm 1999 và bị cấm hành nghề hoặc làm một số công việc nhất định.

Đối với người phạm tội chứa mại dâm có rất nhiều khả năng phạm tội lại, bởi vậy quản chế là hình phạt bổ sung cho hình phạt tù có thời hạn, người bị phạt quản chế bị tước một số quyền công dân (bầu cử, ứng cử...)

Thời hạn quản chế là từ một đến năm năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

So sánh quy định tội chứa mại dâm trong Bộ luật hình sự 2015 so với Bộ luật hình sự năm 1999:

Bộ luật hình sự năm 1999 quy định về tội chứa mại dâm tại Điều 254 còn Bộ luật hình sự năm 2015 thì quy định tại Điều 327.

Theo quy định mới thì tội chứa mại dâm đã hạ mức phạt tù cao nhất với hành vi phạm tội này:

Người nào chứa mại dâm, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. (trước đây, mức phạt tù từ 01 năm đến 07 năm)

- Hạ mức phạt cao nhất với các trường hợp phạm tội sau:

Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm (trước đây, mức phạt tù từ 05 năm đến 15 năm):

+ Có tổ chức.

+ Cường bức mại dâm.

+ Phạm tội 02 lần trở lên.

+ Chứa mại dâm 04 người trở lên. (chi tiết hơn trước)

+ Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi. (chi tiết hơn trước)

+ Gây rối loạn tâm thần và hành vi của người bán dâm từ 11% đến 45%. (chi tiết hơn trước)

+ Thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng. (chi tiết hơn trước)

+ Tái phạm nguy hiểm.

- Giảm khung hình phạt và chi tiết trường hợp phạm tội:

Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm (trước đây, mức phạt tù từ 12 – 20 năm):

- + Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi.
- + Thu lợi bất chính từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.
- + Gây rối loạn tâm thần và hành vi của người bán dâm 46% trở lên.

- Quy định chi tiết trường hợp gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân (trước đây, không quy định mức phạt tù thấp nhất):

- + Đối với 02 người trở lên từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi.
 - + Thu lợi bất chính 500.000.000 đồng trở lên.
 - + Cường bức mại dâm dẫn đến người đó chết hoặc tự sát.
- Nâng mức phạt tiền thấp nhất đối với hình phạt bổ sung:

Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng (trước đây, mức phạt tiền từ 5 – 100 triệu đồng), phạt quản chế từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Về công tác phòng chống mại dâm được phân công cho các cơ quan khác nhau và được quy định trong nhiều văn bản pháp luật làm cho quản lý nhà nước về tệ nạn mại khó tập trung thống nhất. Nhà nước đã xây dựng quy chế phối hợp giữa các cơ quan phòng chống mại dâm, nhưng điều chỉnh quan hệ phối hợp này là văn bản quy phạm pháp luật có giá trị pháp lý chưa cao. Nội dung của quan hệ phối hợp chủ yếu là tư vấn do Chính phủ và chính quyền địa phương xây dựng chính sách, chương trình kế hoạch phòng, chống mại dâm, không phải trực tiếp thực hiện hoạt động phòng ngừa. Bên cạnh đó cơ quan chuyên trách về phòng ngừa mại dâm và cơ quan chuyên trách về phát hiện, điều tra, đấu tranh với tội phạm về mại dâm thuộc hai bộ khác nhau (Bộ Công an và Bộ Lao động Thương binh và Xã hội) nên việc phối hợp còn những điều bất cập. Vì vậy cần sớm xây dựng Luật phòng chống mại dâm góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về lĩnh vực này.

2.3. Thực tiễn xét xử tội chứa mại dâm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

2.3.1. Tổng quan kết quả xét xử tội chứa mại dâm

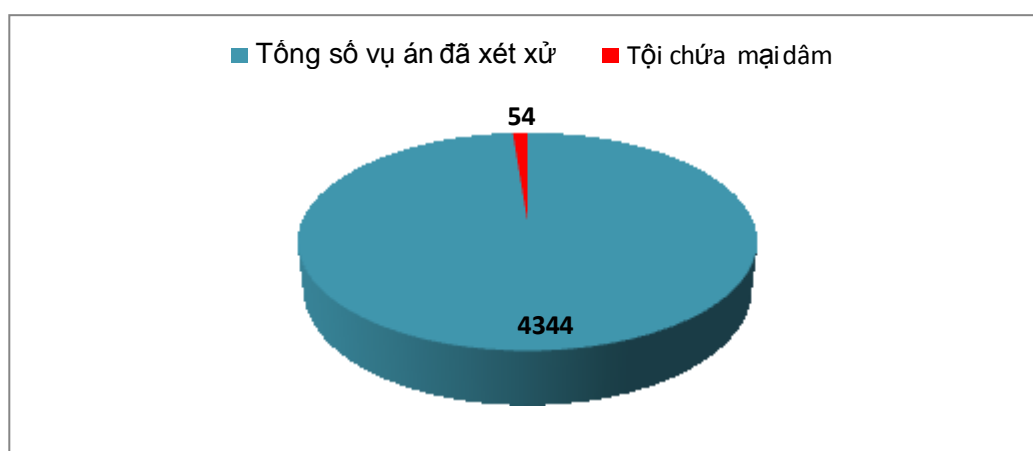
Theo số liệu thống kê của tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, trong thời gian 5 năm (2010 – 2014), tòa án nhân dân cấp quận, huyện ở thành phố Hồ Chí Minh đã đưa ra xét xử sơ thẩm 4,344 vụ án các loại với 6,007 bị cáo, trong đó các tội về mại dâm 80 vụ với 110 bị cáo, riêng tội chứa mại dâm 54 vụ với 78 bị cáo chiếm tỷ lệ 1,24% về số vụ và 1,29% về số bị cáo trong tổng số vụ án đã được xét xử sơ thẩm ở địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Bảng 2.1: Số vụ án và số bị cáo xét xử sơ thẩm về tội chứa mại dâm so với tổng số vụ án và bị cáo đã xét xử sơ thẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh trong 5 năm (2010 – 2014)

| Năm | Số liệu xét xử các vụ án hình sự sơ thẩm | | | | Tỷ lệ |
|------|--|--------|------------------|--------|-------|
| | Tổng số vụ án đã xét xử | | Tội chứa mại dâm | | |
| | Vụ | Bị cáo | Vụ | Bị cáo | |
| 2010 | 803 | 1320 | 13 | 18 | 1,61% |
| 2011 | 894 | 1421 | 10 | 14 | 1,11% |
| 2012 | 900 | 1530 | 11 | 16 | 1,22% |
| 2013 | 837 | 1433 | 8 | 9 | 0,95% |
| 2014 | 910 | 1623 | 12 | 21 | 1,13% |
| Tổng | 4.344 | 7.327 | 54 | 78 | 1,24% |

(Nguồn: Số liệu thống kê của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)

Biểu đồ 2.1: So sánh số vụ án chứa mại dâm với tổng số vụ án đã xét xử sơ thẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh trong 5 năm (2010-2014)



(Nguồn: Số liệu thống kê của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)

Qua biểu đồ và qua bảng so sánh số liệu giải quyết các vụ án hình sự sơ thẩm tại địa bàn thành phố Hồ Chí Minh chúng ta thấy rằng trong 5 năm (2010 -2014) các tòa án nhân dân cấp quận, huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử 4.344 vụ án các loại, trong đó có 54 vụ án chứa mại dâm, tỷ lệ tội chứa mại dâm xảy ra trên địa bàn thành phố so với các tội phạm khác không cao chiếm tỷ lệ 1,24%. Diễn biến tội phạm nói chung và tội chứa mại dâm nói riêng lúc tăng lúc giảm không ổn định nhưng tỷ lệ tăng giảm ở một mức nhất định không mang tính đột biến.

Bảng 2.2: Số vụ án và bị cáo xét xử sơ thẩm về tội chứa mại dâm so với nhóm tội xâm phạm trật tự an toàn công cộng, trật tự công cộng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh trong 5 năm (2010 – 2014)

| Năm | Số liệu xét xử các vụ án hình sự | | | | | |
|------|--|------------|------------------|------------|----------|--------------|
| | Số liệu xét xử các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng | | Tội chứa mại dâm | | Tỷ lệ % | Tỷ lệ % |
| | Vụ (1) | Bị cáo (3) | Vụ (2) | Bị cáo (4) | Vụ (2/1) | Bị cáo (4/3) |
| 2010 | 179 | 503 | 13 | 18 | 7,26% | 3,57% |
| 2011 | 181 | 520 | 10 | 14 | 5,52% | 2,69% |
| 2012 | 220 | 514 | 11 | 16 | 5,00% | 3,11% |
| 2013 | 161 | 469 | 8 | 9 | 4,96% | 1,91% |
| 2014 | 176 | 624 | 12 | 0 | 6,81% | 3,36% |
| Tổng | 917 | 2.630 | 54 | 78 | 5,88% | 2,96% |

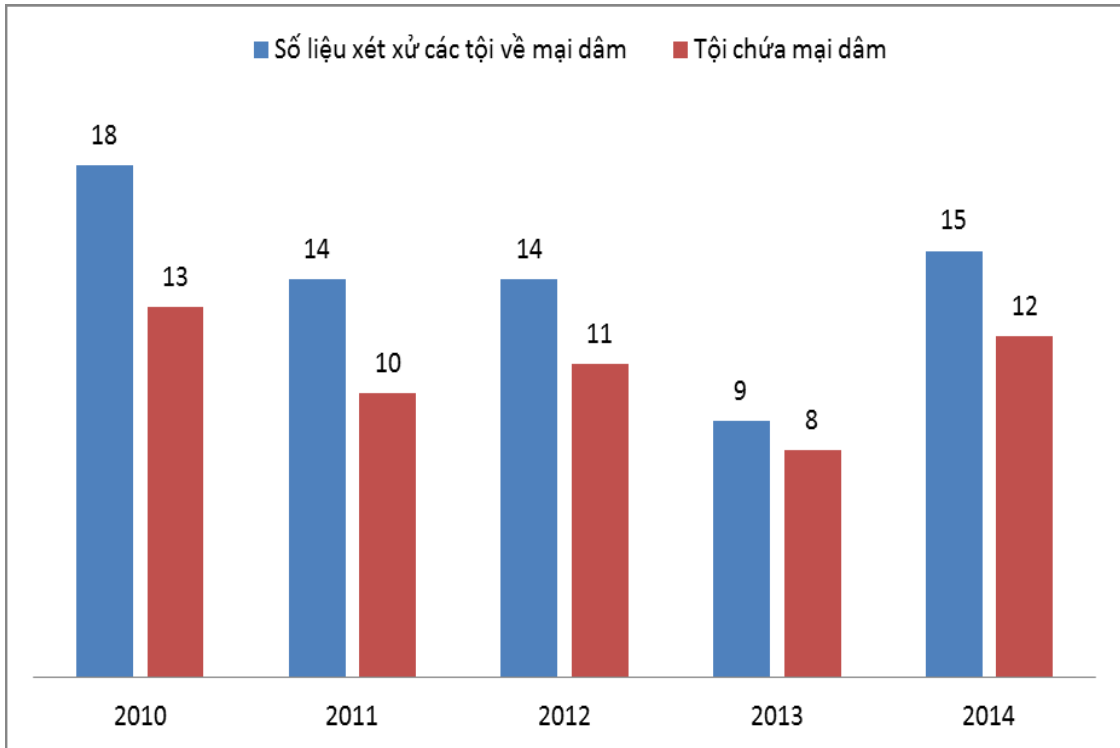
(Nguồn: Số liệu thống kê của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)

Bảng 2.3: Số vụ án và bị cáo xét xử sơ thẩm về tội chứa mại dâm so với nhóm tội về mại dâm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh trong 5 năm (2010 – 2014)

| Năm | Số liệu xét xử các vụ án hình sự | | | | | |
|------|-----------------------------------|------------|------------------|------------|---------|--------------|
| | Số liệu xét xử các tội về mại dâm | | Tội chứa mại dâm | | Tỷ lệ% | Tỷ lệ % |
| | Vụ (1) | Bị cáo (3) | Vụ (2) | Bị cáo (4) | Vụ(2/1) | Bị cáo (4/3) |
| 2010 | 18 | 30 | 13 | 18 | 72% | 43% |
| 2011 | 14 | 20 | 10 | 14 | 71% | 70% |
| 2012 | 14 | 19 | 11 | 16 | 78% | 84% |
| 2013 | 9 | 10 | 8 | 9 | 89% | 90% |
| 2014 | 15 | 26 | 12 | 21 | 80% | 80% |
| Tổng | 70 | 105 | 54 | 78 | 77% | 74% |

(Nguồn: Số liệu thống kê của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)

Biểu đồ 2.2: So sánh số vụ án chứa mại dâm với số vụ án thuộc nhóm tội về mại dâm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm trong 5 năm (2010 -



2014)

(Nguồn: Số liệu thống kê của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)

Trong thời gian 5 năm các tòa án nhân dân quận, huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đã đưa ra xét xử 917 vụ án xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng với 2630 bị cáo, trong đó đã xét xử 70 vụ án liên quan đến mại dâm với 105 bị cáo. Riêng tội chứa mại dâm là 54 vụ với 78 bị cáo. Qua số liệu thống kê cho chúng ta thấy rằng tội chứa mại dâm bị đưa ra xét xử không cao chiếm tỷ lệ 5,88% trong tổng số vụ án xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng được đưa ra xét xử. Nhưng tội chứa mại dâm chiếm tỷ lệ rất cao trong tổng số các vụ án về mại dâm được đưa ra xét xử là 77% về số vụ và 74% về số bị cáo. Nguyên nhân của loại tội phạm này do sự sa sút về đạo đức của một số bộ phận người, mong muốn kiếm tiền một cách không chính đáng trái pháp luật, trái đạo đức xã hội do không được giáo dục đúng cách về nhân cách, mặt khác nền kinh tế thị trường với nhiều thành

phần kinh tế với việc mở rộng quyền tự do kinh doanh nên các nhà hàng, khách sạn và nhiều loại hình dịch vụ trên địa bàn tỉnh xuất hiện. Bên cạnh đó việc học nghề và tạo công ăn việc làm cho những người đang ở độ tuổi lao động chưa đáp ứng được nhu cầu của thực tiễn dẫn tới tỷ lệ thất nghiệp cao nên nhưng người này đã tìm đến con đường môi giới, chứa chấp người bán dâm làm giàu trên thân xác họ, vì vậy tệ nạn mại dâm nói chung và tội chứa mại dâm nói riêng còn đang tồn tại và khó kiểm soát.

Ví dụ: Vào khoảng tháng 10 năm 2012, Phạm Ngọc V đến nhà nghỉ A của ông Nguyễn Sỹ Đ ở đường X, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh gặp Bùi Thanh Ph và Nguyễn Thế A là nhân viên lễ tân để 2 thuê phòng, V thuê phòng 402 để ở, thuê phòng 202 cho ba gái bán dâm là Hoàng Thị T, Nguyễn Thị H, Đinh Thị H thuê. Lê Khắc Diệp A và Đỗ Quang T đến nhà nghỉ A ngồi ở quầy lễ tân cùng với Bùi Thanh Ph và Nguyễn Thế A. Khi V có ở nhà nghỉ thì cùng ngồi ở quầy lễ tân. Nếu có khách đến mua dâm thì V, Diệp A giao dịch với khách, thu tiền và bố trí gái bán dâm, Ph hoặc Thế A xếp phòng cho khách và gái bán dâm để mua dâm. T đứng ra dàn xếp, giải quyết nếu có mâu thuẫn liên quan đến việc mua bán dâm tại nhà nghỉ. Cứ một khách đến mua dâm thì phải trả 500.000 đồng tiền mua dâm và 80.000 đồng tiền thuê phòng. Có lần V và Diệp A thu luôn cả tiền thuê phòng của khách và bảo lễ tân bố trí phòng, sau đó trả tiền thuê phòng cho lễ tân. Số tiền 500.000 đồng thu của khách, V chia cho gái bán dâm 200.000 đồng, số tiền còn lại V quản lý để chi trả tiền thuê phòng nhà nghỉ, tiền ăn cho gái bán dâm, tiền công cho Diệp A và T, còn lại là V được hưởng. Khoảng 12 giờ 50 ngày 24/01/2013 khi Đào Minh H đang quan hệ tình dục với Hoàng Thị T tại phòng 305; Bùi Trường G đang quan hệ tình dục với Nguyễn Thị H ở phòng 204 nhà nghỉ A thì bị Công an bắt quả tang.

Bản án số 08/ 2014/HSST ngày 24/01/2014 của Tòa án nhân dân quận Y đã áp dụng điểm c điều 254 BLHS xử phạt Phạm Ngọc V 07 năm tù, Lê Khắc Diệp A 06 năm tù, Nguyễn Thế A, 05 năm 06 tháng tù. Đỗ Quang T, 05 năm 06 tháng tù.

Bảng 2.4: Hình thức giải quyết tội chứa mại dâm của Tòa án nhân dân quận, huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh trong 5 năm (2010 – 2014)

| Năm | Tổng số vụ án – bị cáo | | Hình thức giải quyết | | | | | |
|------|------------------------|--------|------------------------|--------|-----------------------------|--------|--------|--------|
| | Vụ | Bị cáo | Đình chỉ, tạm đình chỉ | | Trả hồ sơ cho Viện kiểm sát | | Xét xử | |
| | | | Vụ | Bị cáo | Vụ | Bị cáo | Vụ | Bị cáo |
| 2010 | 13 | 18 | 0 | 0 | 0 | 0 | 13 | 18 |
| 2011 | 10 | 14 | 1 | 1 | 0 | 0 | 9 | 13 |
| 2012 | 11 | 16 | 0 | 0 | 0 | 0 | 11 | 16 |
| 2013 | 8 | 9 | 0 | 0 | 0 | 0 | 8 | 9 |
| 2014 | 12 | 21 | 0 | 0 | 0 | 0 | 12 | 21 |
| Tổng | 54 | 78 | 1 | 1 | 0 | 0 | 53 | 77 |

(Nguồn: Số liệu thống kê của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)

Trong 5 năm, tòa án nhân dân quận, huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đã thụ lý sở thẩm 54 vụ án chứa mại dâm với 78 bị cáo, trong đó đình chỉ xét xử 01 vụ, 01 bị cáo. Không có vụ án nào bị trả hồ sơ để điều tra bổ sung cho thấy việc điều tra, truy tố, xét xử đối với tội này đảm bảo đúng theo thủ tục tố tụng.

2.3.2. Những vi phạm, sai lầm trong thực tiễn xét xử tội chứa mại dâm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và nguyên nhân

Tuy các tòa án đã dần nâng cao chất lượng xét xử, đánh giá đúng các tình tiết của vụ án, tỷ lệ các vụ án bị hủy, bị sửa giảm đáng kể nhưng vẫn còn tình trạng định tội danh và quyết định hình phạt chưa thật sự chuẩn xác và còn tồn tại những sai phạm.

2.3.2.1. Những vi phạm, sai lầm trong định tội danh

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc định tội danh của các Tòa án không phải lúc nào cũng chính xác và đúng cơ sở pháp lý. Những bản án bị sửa về tội danh tuy không nhiều nhưng vẫn còn tồn tại. Nguyên nhân của thực trạng này là do các tình tiết phạm tội trên thực tế thường khá phức tạp, không dễ dàng để xác định hành vi khách quan như miêu tả trong điều luật. Chính vì vậy khi xem xét các dạng hành

vi để xác định tội danh được chính xác, những người tiến hành tố tụng phải thực sự có kiến thức chuyên sâu, kinh nghiệm thực tế cũng như khả năng phân tích, phân biệt các dạng hành vi để tránh định sai tội danh.

Ví dụ: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 19/12/2013 Công an quận A bắt quả tang tại các phòng 204, 205 nhà nghỉ 235 của Trần Văn B, có 02 đôi nam nữ đang có hành vi mua bán dâm. Gái bán dâm là Ngần Thu H và Bùi Thị V là hai nhân viên của quán cà phê 268 do Hà Thị E là chủ quán. Trong quá trình điều tra, xét xử Hà Thị E khai nhận như sau: Khoảng tháng 01 năm 2014 E mở quán cà phê 268 trực tiếp quản lý điều hành các hoạt động kinh doanh. Vào khoảng tháng 11/2014 E tuyển chị Ngần Thị H và chị Bùi Thị V về làm nhân viên phục vụ. Mỗi tháng E trả cho chị H và chị V 2.500.000 đồng và bao ăn ở. Nếu khách có nhu cầu mua dâm thì chị H và chị V sẽ đến nhà nghỉ 235 để bán dâm, E thu của khách 500.000 đồng/1 lượt, số tiền này E trả cho Trần Văn B là chủ nhà nghỉ 235 là 100.000 đồng, trả cho người bán dâm (H và V) 200.000 đồng, E được hưởng 200.000 đồng. E còn khai nhận E thỏa thuận với B về việc để cho nhân viên của E đến bán dâm tại nhà nghỉ của B và thỏa thuận giá tiền phòng là 100.000 đồng/1 phòng/1 lượt khách. Từ tháng 11/2013 đến tháng 12/2013 E đã chỉ đạo cho H và V bán dâm cho khách 26 lần tại nhà nghỉ 235.

Bản án số 49/2014/HSST ngày 29/6/2014 của TAND quận A đã tuyên bố Hà Thị E phạm tội môi giới mại dâm và Trần Văn B phạm tội chứa mại dâm.

Qua vụ án này thấy rằng chị Ngần Thị H và Bùi Thị V là nhân viên được E tuyển về làm việc, trả lương theo tháng, bao ăn ở. Khi khách có nhu cầu mua dâm thì E là người trực tiếp đứng ra giao dịch, thu tiền của khách, trực tiếp bàn bạc với Trần Văn B thuê nhà nghỉ của B để cho nhân viên của mình thực hiện việc mua bán dâm rồi sau đó mới thanh toán trả tiền thuê phòng cho B và trả tiền cho người bán dâm như vậy hành vi của Hà Thị E phải bị xét xử về tội chứa mại dâm mới chính xác.

Trong thực tiễn xét xử cho thấy có nhiều trường hợp người phạm tội vừa thực hiện hành vi chứa mại dâm, vừa thực hiện hành vi môi giới mại dâm nhưng

Tòa án chỉ xét xử về tội chứa mại dâm.

Ví dụ: Bị cáo Nguyễn Thị T mở quán cắt tóc gội đầu gần Trường trung học cơ sở nằm trên đường X, quận N, thành phố Hồ Chí Minh. Thấy cháu Trần Thị Kim A và Nguyễn Thị Bích H là học sinh lớp 9 (15 tuổi) thường xuyên đến quán của T để cắt tóc gội đầu. T dụ dỗ H và A bán dâm, H và A đồng ý. Mỗi lần khách có nhu cầu mua dâm thì T điện cho H và A. Số tiền T thu của khách tùy từng thời điểm và tùy từng loại khách. Thông thường T thu của khách mỗi lần mua dâm là 1.000.000 đồng, T trả tiền thuê phòng là 100.000 đồng, trả cho H và T là 400.000 đồng một người một lượt. Trong khoảng từ tháng 1/2010 đến tháng 5/2010. T đã tổ chức cho H bán dâm 10 lần, A bán dâm 15 lần. Ngoài hành vi trên, Nguyễn Thị T còn nhiều lần gọi điện cho Trần Minh V là gái bán dâm để giới thiệu người mua dâm cho V, sau khi bán dâm V thu tiền của khách, địa điểm bán dâm là do V bố trí, mỗi lần bán dâm V trả cho T 200.000 đồng tiền công giới thiệu.

Bản án số 53/2010/HSST ngày 18/10/2010 Tòa án nhân dân quận N đã áp dụng điểm a khoản 3 điều 254 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 12 năm tù về tội Chứa mại dâm.

Trong vụ án này Nguyễn Thị T đã tổ chức cho A và H là người chưa thành niên bán dâm, trực tiếp đi thuê phòng, thu tiền của khách mua dâm để trả tiền phòng, trả cho người bán dâm, còn lại là hưởng lợi nên bị Nguyễn Thị T bị xét xử về tội Chứa mại dâm là chính xác. Song bên cạnh đó Nguyễn Thị T còn có hành vi gọi điện cho V là gái bán dâm chuyên nghiệp để bán dâm, sau đó V trả cho Nguyễn Thị T tiền hoa hồng, như vậy hành vi của T có dấu hiệu cấu thành của tội môi giới mại dâm. Việc các cơ quan tiến hành tố tụng không xử lý T tội môi giới mại dâm là chưa hợp lý có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm.

2.3.2.2. Những vi phạm, sai lầm trong quyết định hình phạt

Tại khoản 1 của Điều 254 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định: Người nào chứa mại dâm thì bị phạt tù từ một năm đến bảy năm như vậy khung hình phạt là rất rộng. Trong thực tiễn áp dụng pháp luật đối với hành vi giống nhau, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ và nhân thân người phạm tội tương tự nhau nhưng mỗi Tòa án

hoặc mỗi Thẩm phán lại xử phạt người phạm tội ở các mức hình phạt khác nhau mà sự chênh lệch này không phải là nhỏ. Trong thực tế chưa bao giờ Tòa án nào áp dụng bị cáo phạm tội chứa mại dâm theo quy định tại khoản 1 điều 254 Bộ luật hình sự với mức hình phạt đến bảy năm tù vì vậy cần phải sửa hình phạt tại khung cơ bản của điều luật để việc áp dụng pháp luật của Thẩm phán được chính xác hơn mặt khác không dẫn tới cố ý áp dụng sai pháp luật hoặc tùy tiện trong việc áp dụng pháp luật.

Ví dụ 1: Bùi Thị Hồng V (quê Quảng Ninh) thuê nhà 490B, Đường T. H. Đ, quận X, thành phố Hồ Chí Minh bán cà phê. V nhận Phan Huyền T và Nguyễn Thị P đến quán cà phê làm phụ vụ. V thỏa thuận với T và P nếu có khách đến mua dâm thì T và P bán dâm. V sẽ trực tiếp thu tiền của khách là 500.000 đồng/1 lần mua dâm và trả cho T hoặc P 300.000 đồng/ 1 lần. Khoảng 20h 30 ngày 25/9/2013 có Nguyễn Xuân T và Hà Mạnh T đến quán cà phê của V. Hà Mạnh T hỏi V “*Ở đây có em út không*”. V hiểu ý T hỏi mua dâm nên trả lời: “*Có*”. T hỏi “*Giá cả thế nào*”. V nói 500.000 đồng một người. T đã trả cho V 1.000.000 đồng tiền mua dâm cho 2 người. Cơ quan công an quận X đã bắt quả tang trong phòng số 1 có Hà Mạnh T và Phan Huyền T trong phòng số 2 có Nguyễn thị P và Nguyễn Xuân T đang quan hệ tình dục.

Nhân thân Bùi Thị Hồng V: Năm 2004 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã xử phạt V 5 năm tù về tội chứa mại dâm theo điểm c khoản 2 Điều 254. Phạt quản chế V 2 năm sau khi mãn hạn tù (V đã được xóa án tích).

Bản án số 206/2013/HSST của Tòa án nhân dân quận X đã xử V 01 năm tù.

Ví dụ 2: Nguyễn Thị H (quê Hải Phòng) mở quán kinh doanh cà phê giải khát trên địa bàn quận Y, thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 09/3/2014 H thuê chị X phục vụ lương tháng 2.000.000 đồng, công việc là bê cà phê và tằm quạt cho khách. Nếu khách có nhu cầu mua dâm thì H tự giao dịch với khách và thu 500.000 đồng một lượt, H trả cho chị X 200.000 đồng. Ngày 17/4/2014 có anh Bùi Đình Q và anh Đào Công T đến mua dâm. Anh Q đưa cho H 500.000 đồng, H gọi chị X “*Có khách*”. Chị X đưa anh Q vào phòng đang quan hệ tình dục thì bị Công an bắt quả

tang.

Nhân thân: Ngày 13/9/2005 TAND huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xử phạt bị cáo 30 tháng tù về tội Chứa mại dâm. Bản án đã được xóa án tích.

Bản án số 70/2014/HSST ngày 28/7/2014 Tòa án nhân dân quận Y xử phạt bị cáo 02 năm tù.

Qua 2 vụ án trên thấy rằng: hành vi của các bị cáo tương đối giống nhau, các tình tiết giảm nhẹ được áp dụng đối với các bị cáo là như nhau, 2 bản án quyết định hai mức hình phạt là khác nhau.

Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự không đúng dẫn tới việc xét xử dưới khung hình phạt không có căn cứ.

Ví dụ: Lê Văn Th làm nghề bán cà phê tại nhà thuộc quận K, thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 21/11/2011, Hoàng Thị Ng đến nhà Th xin việc làm và thống nhất thỏa thuận với Th cho Ng bán dâm tại nhà. Ngày 22/11/2011, Ngô Thị X đến nhà Th xin việc làm và thống nhất thỏa thuận với Th cho bán dâm tại nhà. Mỗi lần Ng và X bán dâm Th thu của khách mua dâm 400.000 đồng, trả cho Ng và X mỗi người 100.000 đồng còn Th được hưởng 200.000 đồng nhưng Th phải chi phí toàn bộ sinh hoạt cho Ng và X. Vào lúc 10 giờ ngày 24/11/2011 Hoàng Trọng L và Lê Văn T đến quán cà phê của Th mua dâm. L và Th thỏa thuận giá mua dâm là 400.000 đồng một người một lượt, khi quan hệ tình dục xong L sẽ thanh toán trực tiếp với Th. Th đưa cho Ng và X mỗi người một chìa khóa phòng kèm theo bao cao su và khăn. Ng đưa T vào phòng số 1 còn X đưa L vào phòng số 3 của quán. Khi Ng và T; X và L đang quan hệ tình dục thì bị Công an bắt quả tang. Tại cơ quan điều tra Ng khai nhận đã bán dâm cho khách theo sự chỉ đạo của Th từ ngày 21/11/2011 bán dâm 7 lần, ngày 22/11/2011 bán dâm 5 lần, ngày 23/11/2011 bán dâm 01 lần, tổng cộng là 13 lần; X khai nhận ngày 22/11/2011 bán dâm tại nhà Th 07 lần, ngày 13/11/2011 bán dâm 5 lần, tổng cộng là 12 lần. Tại bản án số 19/ 2012/HSST ngày 29/3/2012 Tòa án nhân dân quận K đã áp dụng điểm c khoản 2 Điều 254 Bộ luật hình sự xử phạt Ngô Văn Th 04 năm tù. Phạt tiền bị cáo 5.000.000 đồng để xung quỹ nhà nước.

Trong vụ án này Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự khi bị cáo Ngô Văn Th không có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại điều 46 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng dưới khung hình phạt là không đúng.

Cho người phạm tội hưởng án treo không đúng quy định

Ví dụ: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 21/6/2013 Nguyễn Tuấn H cùng Lê Khắc Đ đến quán cà phê của Ngô Tất V ở huyện N, thành phố Hồ Chí Minh với mục đích mua dâm. Khi vào quán H hỏi “*Hôm nay có em út gì không cho bọn này chơi nhanh một tí*”. Ngô Tất V thu của H 800.000 đồng (H trả cho cả Đ), sau đó gọi Nguyễn Thị Y và Trần Thị M là nhân viên của quán xuống dưới tầng 1 bán dâm. Khi Nguyễn Thị Y đang quan hệ tình dục với Nguyễn Tuấn H và Trần Thị M đang quan hệ tình dục với Lê Khắc Đ thì bị Công an huyện N bắt quả tang. V khai nhận nếu có khách mua dâm thì Y và M bán dâm, V thu của khách 400.000 đồng/1 lượt trả cho nhân viên 200.000 đồng, còn lại V được hưởng 200.000 đồng.

Bản án số 43/2013/HSST ngày 18/8/2013 của TAND huyện N xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 3 năm.

Qua việc quyết định hình phạt đối với bị cáo Ngô Tất V thấy rằng: Bị cáo Ngô Tất V là người có nhân thân xấu. Năm 2005 bị cáo đã bị Tòa án nhân dân quận M, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm tù về tội chứa mại dâm (bản án này đã được xóa án tích), nay lại thực hiện hành vi nhận nhân viên phục vụ quán và cho họ bán dâm ngay tại quán, thu tiền của khách mua dâm. Bị cáo đã chứa 2 đôi bán dâm cùng một thời điểm. Như vậy hành vi của bị cáo là nguy hiểm, bị cáo có nhân thân xấu nên áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo trong trường hợp này không đảm bảo yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm.

2.3.2.3. Nguyên nhân của những vi phạm, sai lầm trong định tội danh và quyết định hình phạt

Nguyên nhân của những tồn tại này có một lý do chủ quan từ phía những người áp dụng pháp luật, cơ quan tiến hành tố tụng, có nguyên nhân khách quan từ những bất cập của một số quy định trong Bộ luật hình sự. Chính việc quy định không thống nhất và thiếu chặt chẽ trong các quy định của pháp luật dẫn tới cách

hiểu và cách áp dụng không thống nhất giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, giữa các Toà án với nhau và giữa các Thẩm phán.

Ngoài nguyên nhân trên còn có nguyên nhân do trình độ nhận thức các quy định của pháp luật của các cán bộ trong các cơ quan tiến hành tố tụng đặc biệt là cơ quan Tư pháp còn hạn chế nên việc điều tra, truy tố, xét xử chưa đảm bảo đúng quy định của pháp luật dẫn tới việc sai sót khi định tội danh và quyết định hình phạt. Một nguyên nhân dẫn đến việc xét xử không đúng quy định là có nguyên nhân chủ quan từ phía những người làm công tác pháp luật, lợi dụng quy định không chặt chẽ của luật hình sự hoặc cố tình áp dụng sai pháp luật vì động cơ cá nhân. Vì vậy việc hoàn thiện các quy định của hệ thống pháp luật, nâng cao ý thức và trình độ chuyên môn nghiệp vụ của người áp dụng pháp luật cũng như việc nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người dân là một yêu cầu cấp bách cần được đặt ra trong giai đoạn hiện nay.

Kết luận chương 2

Trong Chương 2, tác giả kết luận một số vấn đề chính như sau:

Tác giả tập trung nghiên cứu về các dấu hiệu pháp lý của tội chứa mại dâm được quy định trong Bộ luật hình sự Việt Nam và tìm hiểu về các loại hình phạt đối với người phạm tội chứa mại dâm.

Tác giả cũng tập trung nghiên cứu thực tiễn xét xử của tội chứa mại dâm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh dựa vào những số liệu của thực tiễn xét xử của tòa án nhân dân quận, huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ đó đưa ra được những cái nhìn cụ thể nhất về thực tiễn xét xử trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh bằng những ví dụ cụ thể. Từ đó đánh giá được những tồn tại, hạn chế trong thực tiễn xét xử tội chứa mại dâm làm, đồng thời tìm ra những nguyên nhân của vấn đề từ đó làm tiền đề để đưa ra những giải pháp định hướng tại chương 3 để có thể áp dụng có hiệu quả vào quá trình phòng chống tội phạm nói chung cũng như là tội chứa mại dâm nói riêng.

Chương 3.

CÁC YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG ĐÚNG QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI CHỨA MẠI DÂM

3.1. Các yêu cầu bảo đảm áp dụng đúng quy định của Bộ luật hình sự về tội chứa mại dâm

3.1.1. Yêu cầu pháp chế xã hội chủ nghĩa

Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa là một đòi hỏi khách quan của quá trình quản lý và lãnh đạo. Nó trở thành nguyên tắc hiến định của xã hội ta được quy định tại Hiến pháp 2013: *“Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi công dân phải chấp hành nghiêm chỉnh Hiến pháp và pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống các tội phạm, các vi phạm Hiến pháp và pháp luật”*. Do đó, pháp chế xã hội chủ nghĩa là một khái niệm rất quan trọng trong tổ chức của bộ máy nhà nước, trong hoạt động của mỗi chủ thể, công dân. Hiến pháp với tính chất là đạo luật cao nhất của nhà nước đã thể chế hóa quan điểm nêu trên của Đảng, càng chứng tỏ pháp chế xã hội chủ nghĩa rất cần thiết, không thể thiếu trong đời sống xã hội nước ta.

Những yêu cầu của pháp chế xã hội chủ nghĩa:

- Bảo đảm tính thống nhất trong việc xây dựng, ban hành pháp luật và thực hiện nói chung, pháp luật hình sự nói riêng.
- Các cơ quan Nhà nước và công chức, viên chức Nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội và đoàn thể nhân dân, mọi công dân có nghĩa vụ thực hiện pháp luật nói chung, cũng như là pháp luật hình sự nói riêng.
- Bảo đảm và bảo vệ quyền tự do và lợi ích hợp pháp của công dân nói chung, cũng như là người bị buộc tội nói riêng.
- Ngăn chặn kịp thời và xử lý công minh mọi hành vi vi phạm pháp luật nói chung và hành vi chứa mại dâm nói riêng.

3.1.2. Yêu cầu phòng chống các tệ nạn xã hội, bảo đảm an ninh trật tự

Tệ nạn mại dâm là một biểu hiện cụ thể của lối sống thực dụng, coi thường các chuẩn mực đạo đức, xã hội và pháp luật, làm xói mòn các giá trị đạo đức, trường thống, thuần phong mỹ tục của dân tộc, phá vỡ tình cảm, hạnh phúc gia đình, phá hoại nhân cách, phẩm chất của con người, ảnh hưởng đến kinh tế, sức khỏe, năng suất lao động... dẫn đến tình hình tội phạm diễn biến ngày càng phức tạp.

Trong những năm qua tình hình mại dâm có nhiều diễn biến phức tạp, có xu hướng tăng lên cả về số vụ và tính chất mức độ nghiêm trọng, thủ đoạn hoạt động ngày càng tinh vi, xảo quyệt, có nhiều thủ đoạn đối phó lại sự phát hiện của quần chúng nhân dân và hoạt động điều tra của cơ quan công an. Đối tượng tham gia tệ nạn mại dâm thuộc nhiều thành phần xã hội khác nhau, ở nhiều độ tuổi khác nhau và có các quốc tịch khác nhau.

Các đối tượng hoạt động tệ nạn mại dâm theo phương thức gái gọi và thông qua gái mại dâm là một phương thức phổ biến trong giai đoạn hiện nay. Hoạt động này có mối quan hệ chặt chẽ với các đối tượng buôn bán phụ nữ trẻ em vì mục đích mại dâm; có sự liên kết với các đối tượng tội phạm là người nước ngoài.

Đặc điểm về địa bàn hoạt động:

Địa bàn hoạt động của tệ nạn mại dâm có ở khắp mọi nơi song chủ yếu hoạt động của tệ nạn mại dâm là thành phố, thị xã, các khu công nghiệp, du lịch, nghỉ mát, những nơi có đông người nước ngoài cư trú...

Về hậu quả tác hại:

Tệ nạn mại dâm làm xói mòn đạo đức dân tộc, là một trong những nguyên nhân dẫn đến căn bệnh thế kỷ.

Nội dung, yêu cầu phòng chống tệ nạn mại dâm:

Kịp thời phát hiện và ngăn chặn không để tệ nạn mại dâm lây lan phát triển, đặc biệt giữ gìn môi trường lành mạnh trong nhà trường. Từng bước xoá bỏ nguyên nhân, điều kiện của tệ nạn mại dâm tiến tới đẩy lùi tệ nạn mại dâm ra khỏi đời sống xã hội; phát hiện, điều tra xử lý theo quy định của pháp luật.

3.1.3. Yêu cầu bảo vệ quyền con người

Con người khi sinh ra ai cũng có quyền sống trong môi trường an toàn trong đó có sự an toàn về pháp lý. Sẽ là một xã hội bất công và quyền con người bị xâm phạm nếu dân chúng luôn cảm thấy bất an bởi cảm giác có thể bị đưa vào vòng quay của tố tụng hình sự với tư cách là người bị tình nghi, bị can, bị cáo bất cứ lúc nào. Vừa đảm bảo việc phát hiện xử lý tội phạm, vừa phải đảm bảo không xâm phạm quyền con người là một mâu thuẫn, để giải quyết hài hòa mâu thuẫn này đó chính là biểu hiện của một kiểu tố tụng hình sự trong một nhà nước văn minh. Công việc đầu tiên ở đâu cũng đòi hỏi và nhà nước nào cũng có nhiệm vụ phải làm là: Ghi nhận cụ thể những quyền con người nào trong hệ thống pháp luật tố tụng hình sự của mình. Việc ghi nhận này không phải là sự ban phát từ phía nhà nước mà bắt nguồn từ nhiều yếu tố trong đó có việc thừa nhận những giá trị cao quý nhân loại đã thừa nhận chung. Những giá trị đó là kết quả của cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ, không ngừng nghỉ của loài người mới đạt được. Từ chỗ quyền con người trong đó có tính mạng, sức khỏe, phẩm giá của con người bị chà đạp trong các phiên tòa man rợ, phi nhân tính thời trung cổ, phong kiến, phiên tòa “giàn thiêu” giáo hội... cho đến kiểu tố tụng văn minh, nhân đạo trong nhà nước pháp quyền chứng minh thuyết phục cho giá trị của quyền con người trong tố tụng hình sự. Chúng ta có thể tìm thấy trong các văn kiện quốc tế về quyền con người trong tố tụng hình sự như: Tuyên ngôn nhân quyền thế giới năm 1948 (UHDR); Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966 (ICCPR); Những nguyên tắc cơ bản trong việc đối xử với tù nhân; Công ước chống tra tấn, đối xử vô nhân đạo và hạ nhục con người năm 1985...

Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam đã thông qua Nghị quyết số 83/2014/QH13 ngày 28/11/2014, phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về chống tra tấn và các hình thức trừng phạt hay đối xử tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người.

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 364/QĐ-TTg ngày 17/3/2015 về việc phê duyệt kế hoạch triển khai thực hiện Công ước chống tra tấn và các hình

thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người. Việc ký kết, phê chuẩn Công ước có ý nghĩa quan trọng trong việc thể hiện chính sách hình sự nhân đạo của Nhà nước ta cũng như thể hiện sự quyết tâm duy trì nền tảng đạo đức, pháp lý và văn hoá quyền con người đang được khẳng định trong chủ trương, đường lối của Đảng và Hiến pháp năm 2013; cho thấy nỗ lực của Việt Nam trong việc bảo vệ quyền con người, tạo cơ sở pháp lý quan trọng góp phần hiệu quả trong đấu tranh chống các luận điệu vu cáo, xuyên tạc của các thế lực thù địch nhằm chống phá Nhà nước Việt Nam. Việc phê chuẩn Công ước này cũng tạo điều kiện để rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật có liên quan, cụ thể là quyền không bị tra tấn, đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hay hạ nhục con người cho phù hợp hơn với Công ước và các quy chuẩn chung của pháp luật quốc tế về quyền con người.

Theo Nghị quyết 83/2014/QH13, Việt Nam xây dựng, hoàn thiện pháp luật để phù hợp với các quy định Công ước của Liên hợp quốc về chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người. Nghị quyết không coi quy định tại khoản 2 Điều 8 Công ước chống tra tấn là cơ sở pháp lý trực tiếp để dẫn độ. Đặc biệt, Nghị quyết cũng quy định trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, trong đó có Viện kiểm sát nhân dân tối cao (VKSNDTC) trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình tổ chức thực hiện Công ước chống tra tấn. Trong lĩnh vực tố tụng hình sự, vấn đề bảo vệ quyền con người, quyền công dân được quan tâm đặc biệt. Cùng với những quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về bảo vệ quyền con người, quyền công dân cần nghiên cứu một cách thấu đáo và nghiêm túc các quy định của Công ước chống tra tấn để nội luật hóa vào pháp luật tố tụng hình sự ở Việt Nam.

Hiến pháp năm 2013 đã có một số quy định phù hợp với Công ước chống tra tấn, như: “*Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật*” (khoản 1 Điều 31); “*Người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử có quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa.*” (khoản 4 Điều

31); “Người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án trái pháp luật có quyền được bồi thường thiệt hại về vật chất, tinh thần và phục hồi danh dự. Người vi phạm pháp luật trong việc bắt, giam, giữ, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án gây thiệt hại cho người khác phải bị xử lý theo pháp luật” (khoản 5 Điều 31); “Quyền bào chữa của bị can, bị cáo, quyền bảo vệ lợi ích hợp pháp của đương sự được bảo đảm.” (khoản 7 Điều 103);...

Đây là một trong những cơ sở pháp lý vững chắc để đảm bảo quyền con người nói chung, của người bị buộc tội nói riêng, thể hiện tính nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta trong công cuộc đấu tranh phòng ngừa tội phạm cụ thể là tội chứa mại dâm.

3.2. Các giải pháp bảo đảm áp dụng đúng quy định của Bộ luật hình sự về tội chứa mại dâm

3.2.1. Triển khai thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ để áp dụng đúng, thống nhất quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 về tội chứa mại dâm

Hiện nay Đảng và Nhà nước ta có thái độ kiên quyết và dứt khoát là không chấp nhận sự tồn tại của tệ nạn mại dâm dưới bất kỳ một hình thức nào, kiên quyết đấu tranh và loại trừ tệ nạn xã hội này ra khỏi đời sống xã hội. Quan điểm của Nhà nước là đấu tranh không khoan nhượng với loại tệ nạn mại dâm. Huy động lực lượng của các ngành, các cấp, các đoàn thể, các tổ chức xã hội và mọi công dân sử dụng mọi biện pháp chung của toàn xã hội bao gồm các biện pháp của cơ quan chuyên môn. Sử dụng đồng bộ các lực lượng, biện pháp để từng bước hạn chế đẩy lùi và loại trừ các tệ nạn mại dâm ra khỏi đời sống xã hội. Quan điểm đó của Đảng và Nhà nước được thể hiện trong Pháp lệnh phòng chống mại dâm năm 2003, các Điều 254, 255, 256 Bộ luật hình sự năm 1999 và một số văn bản pháp luật khác có liên quan. Tuy nhiên thực tiễn đấu tranh chống tội phạm mại dâm trên địa bàn cả nước và thành phố Hồ Chí Minh trong những năm qua cho thấy các điều luật quy định về tội phạm mại dâm chưa theo kịp với tình hình thực tiễn, chưa đầy đủ, chưa chặt chẽ còn nhiều kẽ hở tạo điều kiện cho tội mại dâm phát triển và công tác đấu tranh ngăn ngừa gặp nhiều khó khăn.

Điều đó cho thấy pháp luật nước ta còn nhiều bất cập, đòi hỏi phải tập trung rà soát các văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực mại dâm, phát hiện những văn bản đã lỗi thời, hết hiệu lực, không còn phù hợp với thực tế để kiến nghị, sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng mới để tạo hành lang pháp lý cho công tác đấu tranh phòng chống tội phạm mại dâm trên địa bàn cả nước nói chung và thành phố Hồ Chí Minh nói riêng đạt hiệu quả.

Các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 đối với tội phạm nói chung và tội chứa mại dâm nói riêng còn nhiều vấn đề chưa được hướng dẫn nên trong thực tiễn xét xử các cơ quan tiến hành tố tụng đã gặp không ít khó khăn trong việc áp dụng Bộ luật hình sự để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội, vì vậy việc ban hành văn bản hướng dẫn cần phải được quan tâm.

Trải qua 5 năm từ khi Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 có hiệu lực và được áp dụng thì lại tiếp tục xuất hiện những vấn đề yêu cầu phải tiếp tục sửa đổi, bổ sung. Bộ luật hình sự 2015 có nhiều điểm mới được dư luận quan tâm, ví dụ như việc bỏ hình phạt tử hình đối với bảy tội danh, quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân... Tuy vậy chỉ sau khi Quốc hội thông qua ít lâu, có chuyên gia đã phát hiện bộ luật này có nhiều lỗi nghiêm trọng. Sau một thời gian cân nhắc, thảo luận, Ủy ban Thường vụ Quốc hội triệu tập các trưởng đoàn đại biểu quốc hội khóa XIII chỉ ba ngày trước khi Bộ luật hình sự có hiệu lực thi hành (ngày 1-7-2016).

Tại cuộc họp diễn ra sáng qua, một quyết định rất hi hữu được đưa ra: các trưởng đoàn đại biểu quốc hội sẽ đem theo tài liệu, tờ trình, các báo cáo có liên quan về địa phương triệu tập cuộc họp đoàn đại biểu quốc hội (khóa XIII) để thảo luận, cho ý kiến và bỏ phiếu quyết định (về việc Quốc hội ban hành nghị quyết lùi thời hạn thi hành Bộ luật hình sự).

Nếu đa số đại biểu quốc hội đồng ý theo phương án được trình, Bộ luật hình sự sẽ có hiệu lực thi hành từ 1-1-2017. Trong thời gian đó, Quốc hội khóa XIV sẽ sửa đổi, bổ sung hơn 90 nội dung phát hiện sai sót. Chiều ngày 20/6/2017, Quốc hội đã biểu quyết thông qua dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình

sự số 100/2015/QH13, với 439/455 đại biểu quốc hội tham gia biểu quyết tán thành, chiếm 89,41% tổng số đại biểu quốc hội.

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2018. Cũng từ 1/1/2018, Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật này (gọi là Bộ luật Hình sự năm 2015); Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13; Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13; Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13 sẽ có hiệu lực thi hành.

Xuất phát từ những quan điểm chỉ đạo trong đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và tội phạm mại dâm nói riêng của Đảng và Nhà nước ta, trên cơ sở thực trạng và nguyên nhân của những vấn đề còn tồn tại trong công tác xét xử các vụ án về mại dâm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, tác giả xin đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng những quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về các tội mại dâm như sau:

Tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung và các văn bản pháp luật liên quan đến tội phạm mại dâm nói riêng trong nhân dân trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

Xuất phát từ vị trí địa lý, thành phố Hồ Chí Minh là thành phố có số lượng mật độ dân số đông đúc và là trung tâm kinh tế của cả nước, tỷ lệ người trong độ tuổi lao động cao, tình trạng không có công ăn việc làm còn nhiều, sự nhận thức pháp luật còn nhiều hạn chế vì vậy việc tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật cần được quan tâm đúng mức và đi vào chiều sâu, góp phần truyền tải nội dung pháp luật, nâng cao ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật trong nhân dân.

Tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật hình sự nói chung và quy định về tội phạm mại dâm nói riêng có vai trò quan trọng trong việc giáo dục ý thức chấp hành pháp luật, nâng cao ý thức pháp luật cho người dân, thực hiện nguyên tắc phòng ngừa tội phạm trong đó có tội chứa mại dâm góp phần nâng cao nhận thức, ngăn chặn làm hạn chế những hành vi vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội, giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội. Xác định đối tượng được tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật là đông đảo các tầng lớp, quần chúng nhân dân ở các độ tuổi khác nhau.

Việc tuyên truyền được thực hiện ngay khi còn ngồi trên ghế nhà trường các em học sinh phải được học về giới tính, kỹ năng sống, tính tự trọng... đủ kiến thức để các em tránh xa tệ nạn mại dâm và biết đấu tranh với nó.

Tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật cho đội ngũ cán bộ địa phương, các cộng tác viên đến từ xã, phường, khu dân cư... thông qua hội nghị tập huấn, hội nghị tuyên truyền của phòng tư pháp, sở tư pháp.

Tổ chức các buổi tuyên truyền miệng, chuyên đề phòng chống tội phạm mại dâm tại các trường dạy nghề, tại nơi làm việc của các công ty, xí nghiệp... trong các buổi sinh hoạt.

Phối hợp giữa các cơ quan tư pháp với cơ quan truyền thông để tuyên truyền pháp luật phòng chống mại dâm bằng cách: Viết bài cho chuyên mục giải thích pháp luật, các gương người tốt việc tốt về phòng chống tội phạm, đưa tin kết quả điều tra, xét xử các vụ án điển hình đối với tội phạm mại dâm.

Tuyên truyền giáo dục pháp luật thông qua các hoạt động của Tòa án:

Xét xử lưu động và xét xử các vụ án trọng điểm. Phần nhiều tội phạm về chứa mại dâm liên quan đến các tệ nạn khác ở nước ta, vì vậy việc đưa các vụ án liên quan đến tệ nạn xã hội nói chung và tội chứa mại dâm ra xét xử sẽ có tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm và động viên nhân dân vào phong trào toàn dân tham gia phòng chống tệ nạn xã hội.

Đối tượng tuyên truyền, giáo dục pháp luật của Tòa án trước hết là những người tham gia tố tụng sau đó mới đến các công dân khác. Đặc biệt hiện nay công dân có hiểu biết hạn chế về tính trái pháp luật hình sự của hành vi chứa mại dâm, mua bán dâm... nhiều trường hợp thông qua việc xét xử của Tòa án công dân mới nhận thức được điều này.

Giáo dục pháp luật thông qua phiên tòa. Việc xét xử của Tòa án được tiến hành công khai, mọi công dân từ 16 tuổi trở lên đều có quyền tham dự. Bằng cách giải thích quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng, bằng cách xét hỏi tại phiên tòa, bằng tranh luận của các bên tham gia tố tụng và đặc biệt là bằng bản án được tuyên công khai tại phòng xử án... Tòa án thực hiện việc tuyên truyền, giáo

dục cho công dân, cả người tham gia tố tụng và người tham dự phiên tòa. Thông qua phiên tòa, công dân được biết quyền và nghĩa vụ của mình, hành vi nào bị cấm, hậu quả của việc thực hiện hành vi phạm tội ra sao... để từ đó tự điều chỉnh cách xử sự của mình cho phù hợp với pháp luật, tránh vi phạm pháp luật và phạm tội.

Thông qua việc xét hỏi tại phiên tòa, thông việc tuyên các bản án về tội chứa mại dâm, người tham gia tố tụng và người tham dự phiên tòa nhận thức rõ hơn hành vi nào là trái pháp luật, là nguy hiểm cho xã hội và quy định của pháp luật xử lý các hành vi đó như thế nào để lấy đó làm bài học cho bản thân và cảnh báo với người thân. Một hình thức tuyên truyền giáo dục pháp luật đặc trưng của Tòa án nữa là tạo điều kiện cho công dân, tổ chức tham gia hoạt động xét xử để nâng cao ý thức pháp luật của họ trong đấu tranh phòng chống tội phạm. Điều này đã được quy định trong nguyên tắc trong Bộ luật tố tụng hình sự.

3.2.2. Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 về tội chứa mại dâm

Qua nghiên cứu Điều 254 Bộ luật hình sự năm 1999 về tội chứa mại dâm chúng ta thấy rằng: điều luật không nêu được khái niệm về hành vi chứa mại dâm. Khi nghiên cứu các khung hình phạt thì thấy rằng: hình phạt quy định tại khung cơ bản có sự chênh lệch là rất lớn: Người nào chứa mại dâm thì bị phạt tù từ một năm đến bảy năm [39]. Như vậy hình phạt tối đa được áp dụng so với hình phạt tối thiểu cao hơn gấp 7 lần, thực tế khi xét xử người phạm tội chứa mại dâm theo quy định tại khoản 1 Điều 254 Bộ luật hình sự năm 1999 chưa Tòa án nào xét xử họ ở mức tối đa của khung hình phạt vì khi người phạm tội thực hiện trong những trường hợp nguy hiểm hoặc gây nên hậu quả nghiêm trọng ... thì đã phạm vào khung tăng nặng của điều luật. Vì vậy, cần thiết sửa khung cơ bản của tội này theo hướng rút ngắn khoảng cách giữa mức tối thiểu và tối đa của hình phạt, nâng mức tối thiểu trong khung hình phạt, theo chúng tôi hình phạt quy định tại khoản 1 từ hai năm đến bảy năm là phù hợp.

Nghiên cứu tình tiết phạm tội “*đối với người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi*” và “*tình tiết đối với trẻ em từ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*” thấy

rằng: đây là những trường hợp phạm tội làm cho tính chất nguy hiểm của hành vi chứa mại dâm tăng lên được quy định tại điểm d khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 254 Bộ luật hình sự năm 1999. Hành vi của người phạm tội đã xâm phạm đến quyền tự do tình dục của người phụ nữ, đồng thời ảnh hưởng tới sức khỏe, tâm sinh lý và sự phát triển toàn diện đối với người chưa thành niên và trẻ em. Do đó khi người phạm tội phạm phải tình tiết này đều bị Hội đồng xét xử, xử phạt thật nghiêm khắc nhằm nghiêm trị người phạm tội cũng như răn đe đối với những người khác.

Hiện nay pháp luật chưa có quy định cụ thể nhằm phân định rõ ràng về người chưa thành niên trong hoạt động mua bán dâm là đối tượng của mua dâm hay bán dâm. Về thực tiễn đa phần các ý kiến chung đều coi đối tượng người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, trẻ em từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi là đối tượng bán dâm. Về mặt lý luận, hành vi chứa mại dâm có bản chất là tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động mại dâm, bao gồm mua dâm và bán dâm. Do đó chúng ta có thể hiểu người chưa thành niên, trẻ em trong hoạt động mại dâm bao gồm cả trường hợp người bán dâm là người chưa thành niên, trẻ em cũng như người mua dâm là người chưa thành niên, trẻ em. Bởi vậy, theo ý kiến tác giả pháp luật cần ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về trường hợp này.

Trường hợp phạm tội chứa mại dâm mà đối tượng bán dâm là trẻ em dưới 13 tuổi. Hiện nay Bộ luật hình sự chỉ mới quy định các tình tiết phạm tội chứa mại dâm đối với người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi và phạm tội chứa mại dâm đối với trẻ em từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi là các dấu hiệu định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội mà chưa có quy định về phạm tội chứa mại dâm đối với trẻ em dưới 13 tuổi. Khác với đối tượng là người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi và trẻ em từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi thì trẻ em có độ tuổi dưới 13 tuổi là đối tượng bị tác động rất nặng nề khi bị người có hành vi chứa mại dâm xâm hại. Trường hợp, nếu người phạm tội có hành vi chứa mại dâm đối với trẻ em dưới 13 tuổi thì các cơ quan tiến hành tố tụng sẽ căn cứ vào quy định nào để định tội danh và quyết định hình phạt. Chúng ta biết rằng, mọi trường hợp giao cấu với trẻ em dưới 13 tuổi là phạm tội hiếp dâm trẻ em và người phạm tội

sẽ bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi lăm, tù chung thân hoặc tử hình (khoản 4 Điều 112 Bộ luật hình sự năm 1999); đối với chủ chứa thì cần phải xử lý họ như thế nào cho phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi đã thực hiện? Ở đây, người phạm tội chỉ “chứa” còn hành vi “*giao cấu*” lại do chủ thể khác (người mua dâm) thực hiện nên nếu có xử lý “*chủ chứa*” trong trường hợp này thì cũng chỉ có thể xử lý họ với vai trò là đồng phạm trong tội “*hiếp dâm trẻ em*”. Tuy nhiên, đường lối xử lý này chưa thể hiện được hết tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi chứa mại dâm. Khi đó, hành vi của người phạm tội liệu có còn phù hợp với các dấu hiệu định khung hình phạt đối với tội “*chứa mại dâm*” nữa hay không? Do đó, nên chăng cần bổ sung tình tiết “*đối với trẻ em dưới 13 tuổi*” là một tình tiết định khung tăng nặng trong Điều 254 Bộ luật hình sự 1999.

Về tình tiết gây hậu quả nghiêm trọng, gây hậu quả rất nghiêm trọng, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

Đây là tình tiết được quy định là tình tiết định khung tăng nặng được quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 254 Bộ luật hình sự. Trong Bộ luật hình sự có quy định người có hành vi chứa mại dâm trong các trường hợp phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng thì sẽ bị xử phạt theo các mức tương ứng. Có được áp dụng thông tư liên tịch số 02/TTLT/2001 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP hay không? Đánh giá như thế nào hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng trong trường hợp hậu quả xảy ra là phi vật chất. Do đó, cần khẩn trương hoàn thiện các quy định của pháp luật trong việc đấu tranh phòng chống tệ nạn mại dâm nói chung cũng như tội chứa mại dâm nói riêng.

Về tình tiết cưỡng bức mại dâm: Thực tế cho thấy rằng, tồn tại cùng hành vi chứa mại dâm và môi giới mại dâm là hành vi cưỡng bức phụ nữ hành nghề mại dâm. Đây là hành vi rất nguy hiểm bởi có khả năng nhiều phụ nữ bị buộc phải hành nghề mại dâm do bị cưỡng bức bằng bạo lực, thường xuyên bị hành hạ về cả thể chất lẫn tinh thần. Hành vi cưỡng bức mại dâm thực chất là xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về tình dục của người phụ nữ. Người phụ nữ có quyền tự mình

định đoạt vấn đề tình dục theo tình yêu và danh dự của mình, không ai có quyền được cưỡng ép họ. Nhưng theo quy định tại Bộ luật hình sự năm 1999 thì cưỡng bức mại dâm được quy định là một tình tiết định khung tăng nặng của tội chứa mại dâm được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 254 với mức hình phạt tương ứng là từ năm năm đến mười lăm năm tù. Theo ý kiến cá nhân tác giả, việc pháp luật quy định như vậy là chưa được thực sự hợp lý. Hành vi cưỡng bức phụ nữ hành nghề mại dâm mang tính nguy hiểm rất cao, do đó nên coi đó là một tội phạm riêng biệt với mức hình phạt nghiêm khắc hơn và coi đó là một trong những quy định, những biện pháp có hiệu quả nhằm ngăn chặn sự phát triển của tệ nạn mại dâm.

Như vậy, hành vi cưỡng bức mại dâm mang tính nguy hiểm rất cao cho xã hội, là một trong những nguyên nhân đẩy tệ nạn mại dâm gia tăng, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội. Để góp phần hạn chế tệ nạn mại dâm, góp phần lành mạnh hóa các quan hệ xã hội, nên tách tình tiết định khung tăng nặng này thành một tội danh độc lập với tên gọi “*tội cưỡng bức mại dâm*” để thay thế cho tình tiết tăng nặng “*cưỡng bức mại dâm*” được quy định ở điểm b khoản 2 Điều 254 Bộ luật hình sự năm 1999. Khi đó, nếu người phạm tội vừa có hành vi chứa mại dâm, vừa có hành vi cưỡng bức mại dâm thì sẽ bị xử lý về cả hai tội danh “*chứa mại dâm*” và “*cưỡng bức mại dâm*”.

Hoàn thiện quy định về tình tiết tăng nặng định khung đối với các tội phạm mại dâm: Thực tiễn đấu tranh đối với các tội phạm mại dâm thời gian qua cho thấy, hầu hết các tội phạm mại dâm khi bị phát hiện, xử lý đều trải qua quá trình phạm tội kéo dài trong nhiều tháng hoặc nhiều năm. Trong khoảng thời gian dài đó số tiền các đối tượng thu lợi bất chính là rất lớn. Tuy nhiên trong Bộ luật hình sự hiện hành, đối với các tội phạm mại dâm lại không quy định tình tiết “*thu lợi bất chính lớn, rất lớn hoặc đặc biệt lớn*” là tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đây có thể coi là một sự thiếu sót trong quá trình xây dựng pháp luật, dẫn đến không phản ánh được đầy đủ, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Để không bỏ lọt trường hợp phạm tội nguy hiểm này cần bổ sung tình tiết định khung tăng nặng “*thu lợi bất chính lớn, đặc biệt lớn*” vào tội chứa mại dâm tại Điều 254

Bộ luật hình sự như hướng dẫn tại tiểu mục 7.3 phần 1 nghị quyết số 02/2003 /NQ-HĐTP ngày 17 tháng 4 năm 2003 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao:

Thu lợi bất chính từ năm triệu đồng đến dưới mười lăm triệu đồng là lớn;

Thu lợi bất chính từ mười lăm triệu đồng đến bốn mươi lăm triệu đồng là rất lớn;

Thu lợi bất chính từ bốn mươi lăm triệu đồng trở lên là đặc biệt lớn [46].

Bên cạnh đó, để đồng bộ hóa và đảm bảo yêu cầu phòng ngừa của Bộ luật hình sự, hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các tội phạm này cần tăng cao hơn so với mức tối thiểu hiện nay là năm triệu đồng đối với tội chứa mại dâm.

Bổ sung hình phạt cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định vào tội chứa mại dâm.

Pháp luật nước ta coi bán dâm và mua dâm là hoạt động của tệ nạn mại dâm, không phải là tội phạm nên những người mua bán dâm chỉ xử lý hành chính, việc xử lý hành chính không thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật đối với những trường hợp mua bán dâm gây nên những hậu quả nghiêm trọng hoặc những trường hợp tái diễn nhiều lần. Trên thực tế có nhiều gái bán dâm chuyên nghiệp, sau khi đi cơ sở chữa bệnh ra tiếp tục tái phạm trở lại. Nghiêm trọng hơn, số gái bán dâm mắc bệnh HIV/AIDS vẫn tiếp tục bán dâm... đường lối xử lý đối với gái mại dâm chưa thể hiện tính nghiêm khắc của pháp luật. Chúng ta mới chỉ coi gái mại dâm là nạn nhân của tệ nạn mại dâm chứ chưa coi họ là tội phạm. Như vậy, việc không xử lý hình sự người bán dâm, nhất là những đối tượng bán dâm chuyên nghiệp và đã bị xử lý hành chính mà lại tiếp tục vi phạm và những trường hợp gái bán dâm bị mắc bệnh xã hội là bỏ lọt tội phạm, không ngăn chặn dứt điểm được tệ nạn mại dâm. Vì vậy, đã đến lúc cần trừng trị cả người bán dâm nếu họ *“đã bị xử lý hành chính về hành vi này mà còn tiếp tục vi phạm”* theo quan điểm của tiến sỹ Đỗ Đức Hồng Hà đăng trên tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 5/2013.

3.2.3. Nâng cao năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ cơ quan tư pháp

Tại hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 4 khóa XI, Đảng ta đã thừa

nhận thực trạng:

Một bộ phận không nhỏ cán bộ, Đảng viên, trong đó có những Đảng viên giữ vị trí lãnh đạo quản lý, kể cả một số cán bộ cao cấp suy thoái về tư tưởng chính trị đạo đức lối sống với những biểu hiện khác nhau về sự phai nhạt lý tưởng, sa vào chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, cơ hội, thực dụng, chạy theo danh lợi, tiền tài, kèn cựa địa vị, tham nhũng, lãng phí, tùy tiện vô nguyên tắc... [19, tr.20].

Đối với cán bộ tư pháp cả nước nói chung và cán bộ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh nói riêng việc nâng cao phẩm chất chính trị, trình độ chuyên môn nghiệp vụ là đòi hỏi của quá trình cải cách tư pháp cần phải đảm bảo các yêu cầu sau:

Rèn luyện nâng cao ý thức chính trị sẽ giúp cho cán bộ cơ quan tư pháp thực hiện chức năng nhiệm vụ một cách có lý, có tình, được nhân dân tin tưởng và đồng tình; giúp cán bộ vận dụng pháp luật được đúng đắn. Nếu xa rời ý thức chính trị dễ làm cho cán bộ mất ý thức rèn luyện, dễ bị những lợi ích vật chất, tinh thần cám dỗ và dẫn đến vi phạm pháp luật. Việc rèn luyện ý thức chính trị luôn phải đi đôi với việc rèn luyện phẩm chất đạo đức của cán bộ cơ quan tư pháp, nhất là cán bộ Tòa án theo tinh thần lời dạy của Bác Hồ: *“Phụng công thủ pháp, chí công vô tư”* phải *“gần dân, hiểu dân, hiếu dân, giúp dân, học dân”*, *“tận tụy phục vụ nhân dân”* để hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ được giao.

Công tác đấu tranh phòng chống tội phạm đặc biệt trong lĩnh vực mại dâm phải thường xuyên tiếp xúc với những mặt trái của xã hội, tiếp xúc với đủ loại vi phạm và tội phạm, nếu người cán bộ không trau dồi đạo đức và rèn luyện ý thức chính trị của mình thì rất dễ bị những mặt trái của kinh tế thị trường cám dỗ. Người cán bộ có ý thức chính trị, phẩm chất đạo đức sẽ biết cách khắc phục những khó khăn chủ quan và khách quan trước mắt để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao mà không thụ động, ỷ lại vào cấp trên, đổ lỗi cho khách quan. Trong điều kiện nước ta đang phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế, việc rèn luyện ý thức chính trị và phẩm chất đạo đức cho cán bộ cơ quan tư pháp càng đặt ra cấp thiết và cấp bách.

Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho các cán bộ làm công tác tư pháp thực hiện bằng các hình thức đào tạo dài hạn, ngắn hạn, các lớp tập huấn...

Kịp thời khen thưởng nêu gương điển hình tiên tiến trong công tác phòng chống mại dâm. Tổ chức học tập các mô hình thực hiện tốt công tác phòng chống mại dâm. Việc tuyển dụng, bố trí và sử dụng có hiệu quả đội ngũ điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán...

3.2.4. Nâng cao chất lượng điều tra, truy tố tội chứa mại dâm

Dưới góc độ xét xử thì việc điều tra công khai trước phiên tòa để làm rõ toàn bộ sự thật của vụ án bằng cách kiểm tra, đánh giá chứng cứ đã được thu thập trong giai đoạn điều tra, truy tố trước đó. Do vậy, khi còn những vấn đề chưa rõ, những vấn đề không thể làm rõ tại phiên tòa, thì Tòa án cũng có quyền yêu cầu điều tra bổ sung. Với chức năng Thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp trong lĩnh vực hình sự thì việc Viện kiểm sát đề ra yêu cầu điều tra để Cơ quan điều tra tiến hành điều tra nhằm phục vụ cho việc Thực hành quyền công tố là một hoạt động tất yếu. Do hoạt động yêu cầu điều tra được diễn ra trong suốt quá trình tố tụng và do nhiều chủ thể thực hiện vì vậy, trong quá trình điều tra và truy tố nói chung cũng như đối với tội chứa mại dâm nói riêng cần phải nâng cao chất lượng cần phải được thường xuyên tập huấn trao dồi thêm kỹ năng cũng như là cập nhật tình hình diễn biến của các loại tội phạm nói chung, tội chứa mại dâm nói riêng thì công tác phòng chống tội phạm này mới đạt được hiệu quả.

3.2.5. Tăng cường quản lý nhà nước về an ninh trật tự, an toàn xã hội và tệ nạn xã hội

Việc tăng cường quản lý nhà nước về tệ nạn mại dâm cần phải thực hiện những nội dung đối với các ngành như sau:

Ủy ban nhân dân phối hợp ngành văn hóa thể thao rà soát các cơ sở kinh doanh nhạy cảm, các cơ sở kinh doanh dịch vụ... những trường hợp cấp phép mới, chuyển địa điểm kinh doanh, tình hình quản lý nhà nước đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ, phương án tiến độ xử lý các trường hợp vi phạm và biện pháp khắc phục.

Thành lập liên ngành văn hóa - xã hội, trang bị đủ điều kiện phương tiện cho công tác kiểm tra. Tăng cường phối hợp kiểm tra thường xuyên liên tục đối với các cơ sở kinh doanh nhạy cảm, xử lý kiên quyết đối với những trường hợp vi phạm.

Xây dựng quy hoạch ngành nghề karaoke, massage... Cơ quan Y tế tăng cường kiểm tra, rà soát các hoạt động bấm huyệt, xoa bóp, xông hơi, y học cổ truyền. Đình chỉ hoạt động khi có vi phạm.

Sở Công thương phối hợp với Sở kế hoạch đầu tư căn cứ theo mã ngành để xây dựng và hướng dẫn các quy chuẩn hoạt động của quán Bar, Karaoke.

Công an thành phố chịu trách nhiệm truy quét, xử lý các băng nhóm bảo kê, giao trách nhiệm cho Công an quận, huyện quản lý chặt chẽ trên từng địa bàn không để cho các hoạt động kinh doanh biến tướng. Kiểm soát chặt chẽ mạng Internet chặn đứng văn hóa phẩm đồi trụy chặn đứng các trang web phản động qua hệ thống an ninh mạng

Sở thông tin truyền thông thường xuyên chỉ đạo các cơ quan đài báo tổ chức thông tin, tuyên truyền nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của các cơ sở kinh doanh dịch vụ có nguy cơ phát sinh tệ nạn mại dâm.

3.2.6. Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra công tác xét xử, xây dựng án lệ

Ngay từ đầu năm công tác 2017, lãnh đạo Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã quán triệt sâu sắc đến toàn thể cán bộ, công chức trong toàn đơn vị không ngừng học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, khắc phục mọi khó khăn, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao. Đồng thời, xác định được vị trí, tầm quan trọng của công tác thi đua, khen thưởng trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, chuyên môn nên ngay từ đầu năm, lãnh đạo đơn vị đã phối hợp với tổ chức công đoàn xây dựng chương trình hành động về công tác thi đua, khen thưởng theo định hướng có chiều sâu, có kế hoạch, mục tiêu cụ thể để phát động phong trào thi đua, khen thưởng thường xuyên; định kỳ hoặc theo chuyên đề; xây dựng cá nhân điển hình tiên tiến qua từng đợt thi đua.

Công tác thi đua, khen thưởng phải gắn liền với công tác giải quyết dứt điểm các loại án, nâng cao chất lượng xét xử; tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua do ngành và địa phương phát động gắn với việc thực hiện các chỉ tiêu về chuyên môn, nghiệp vụ, nhân rộng các điển hình tiên tiến, biểu dương gương người tốt việc tốt, qua đó từng bước xây dựng Tòa án nhân dân hai cấp ngày càng trong sạch và vững mạnh.

Phối hợp chặt chẽ, hiệu quả với các tổ chức đoàn thể ở địa phương trong việc tổ chức phong trào thi đua yêu nước, thu hút được sự tham gia của đông đảo cán bộ công chức, làm cho phong trào thi đua yêu nước thực sự là động lực, đòn bẩy cho việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của hệ thống Tòa án nhân dân địa phương.

Cán bộ công chức ngành Tòa án tích cực xây dựng án lệ theo Đề án “*Phát triển triển án lệ của Tòa án nhân dân tối cao*” (ban hành theo Quyết định 74/QĐ-TANDTC ngày 31/10/2012), nhằm nâng cao chất lượng bản án, quyết định của ngành Tòa án nói chung, đặc biệt là Quyết định Giám đốc thẩm của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao và các Tòa chuyên trách TAND Tối cao, góp phần đảm bảo việc áp dụng pháp luật đúng, thống nhất, từ đó đảm bảo sự bình đẳng của mọi tổ chức và công dân trước pháp luật. Đề án cũng xác định quan điểm chỉ đạo, đề hướng dẫn các tòa án áp dụng thống nhất pháp luật, tổng kết kinh nghiệm xét xử. Nâng cao trách nhiệm của thẩm phán trong công tác xét xử tại phiên tòa cũng như tăng cường việc bồi dưỡng, đào tạo các chức danh tư pháp, bảo đảm các yêu cầu của cải cách tư pháp và đề ra một số giải pháp phát triển án lệ của TAND Tối cao, như kiến nghị xây dựng các văn bản qui phạm pháp luật là cơ sở pháp lý cho việc phát triển án lệ, thiết lập án lệ của TAND Tối cao, cải tiến cách viết và thông qua các bản án, quyết định của tòa án, đặc biệt là Quyết định Giám đốc thẩm của TAND Tối cao, tăng cường việc sử dụng án lệ trong thực tiễn xét xử, thành lập bộ phận chuyên trách để tuyển tập án lệ.

Việc áp dụng án lệ ngoài ý nghĩa giải quyết một vụ án cụ thể còn thiết lập ra một tiền lệ để xử những vụ án tương tự sau này, do đó, sẽ tạo bình đẳng trong việc

xét xử các vụ án giống nhau, giúp tiên lượng được kết quả của các vụ tranh chấp, tiết kiệm công sức của các Thẩm phán, Người tham gia tố tụng, Cơ quan tiến hành tố tụng, tạo ra sự công bằng trong xã hội, tránh được chuyện dư luận xã hội cho rằng việc xét xử của tòa án là không bình đẳng. Đồng thời, áp dụng án lệ còn giúp các đơn vị khi đàm phán, soạn thảo và ký kết hợp đồng giao dịch dân sự, thương mại biết phòng tránh rủi ro...

Kết luận chương 3

Trong Chương 3, tác giả phân tích về những yêu cầu đề ra để có thể đảm bảo việc xét xử đối với tội chứa mại dâm được chính xác đảm bảo nguyên tắc xét xử đúng người đúng tội, không bỏ lọt tội phạm.

Tác giả cũng nêu lên về việc cần phải sửa đổi, bổ sung và điều chỉnh những quy định của pháp luật về phòng ngừa đối với tội phạm nói chung cũng như là tội chứa mại dâm nói riêng. Hiện tại, Quốc Hội cũng đã thông qua luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự 2015, đây sẽ là bước ngoặt đánh dấu một giai đoạn mới, sẽ là vũ khí có hiệu quả để đấu tranh đối với tội phạm nói chung cũng như tội chứa mại dâm nói riêng.

Từ những phân tích nêu trên, tác giả cũng đã đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong việc đấu tranh cũng như là xét xử đối với loại tội phạm này được hiệu quả hơn và có thể từng bước đẩy lùi đối với loại tội phạm này trên cả nước nói chung cũng như là địa bàn thành phố Hồ Chí Minh nói riêng.

KẾT LUẬN

Chứa mại dâm là một tội phạm có tính lịch sử, một hiện tượng tiêu cực của xã hội, nó đã và đang diễn biến hết sức phức tạp. Chính vì vậy, việc đấu tranh phòng chống tội phạm chứa mại dâm là một nhiệm vụ đặt ra không chỉ với những cơ quan có chức năng trong cuộc đấu tranh phòng chống loại tội phạm này mà còn là nhiệm vụ chung của cả cộng đồng và của mỗi công dân. Để thực hiện được mục tiêu trên, trước tiên cần phải nắm vững các quy định của pháp luật về tội chứa mại dâm cũng như đường lối xử lý của Bộ luật hình sự đối với tội phạm này, đồng thời việc xây dựng, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến cuộc đấu tranh chống tội phạm chứa mại dâm là một việc làm cần thiết hiện nay.

Luận văn đã trình bày một cách khái quát về các quy định của pháp luật của một số nước trên thế giới từ đó so sánh, đối chiếu sự giống và khác nhau giữa pháp luật hình sự Việt Nam với pháp luật hình sự một số nước trên thế giới về tệ nạn xã hội nói chung và tội chứa mại dâm nói riêng.

Trên cơ sở phân tích thực tiễn tình hình xét xử tội chứa mại dâm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh thông qua việc thu thập số liệu thụ lý, giải quyết các vụ án chứa mại dâm, luận văn đã chỉ ra một số tồn tại hạn chế trong thực tiễn xét xử tội chứa mại dâm cũng như yêu cầu cấp thiết sửa đổi bổ sung Bộ luật hình sự liên quan đến tội chứa mại dâm, đồng thời đưa ra những kiến nghị, đề xuất hoàn thiện và các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định của Bộ luật hình sự về tội chứa mại dâm.

Với mục đích tìm hiểu sâu hơn về tội phạm chứa mại dâm, tôi mong muốn kết quả nghiên cứu của luận văn có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo trong công tác nghiên cứu khoa học pháp luật hình sự, đồng thời có thể phục vụ thiết thực cho công tác đấu tranh phòng chống tội phạm chứa mại dâm trong thời gian tới. Học viên tin tưởng rằng, với sự quyết tâm của Đảng, Nhà nước, sự đồng thuận của nhân dân, trong thời gian tới tệ nạn mại dâm nói chung và hành vi chứa mại dâm nói riêng nhất định sẽ bị ngăn chặn, đẩy lùi và đi đến loại bỏ ra khỏi đời sống xã hội.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Hải Âu (2004), *Tệ nạn mại dâm – Thực trạng và các giải pháp nâng cao hiệu quả phòng ngừa*, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện cảnh sát nhân dân, Hà Nội.
2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2010), *Báo cáo số 04/BC-PCTNXH ngày 18/01/2010 về kết quả công tác cai nghiện, phục hồi và phòng chống tệ nạn mại dâm năm 2009 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2010*, Hà Nội.
3. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2014), *Báo cáo tổng kết 10 năm thi hành pháp lệnh phòng chống mại dâm ngày 19 tháng 12 năm 2014*, Hà Nội.
4. C.Mác-Ph.Ăng ghen(1984), *Tuyển tập*, tập 6, Nxb Sự thật, Hà Nội.
5. Lê Cẩm (Chủ biên) (2003), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam phần các tội phạm*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.
6. Lê Cẩm (Chủ biên) (2005), *Sách chuyên khảo sau đại học: Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (Phần chung)*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.
7. Chính Phủ (1996), *Nghị định số 49/CP ngày 15 tháng 8 năm 1996 quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự*, Hà Nội.
8. Chính Phủ (1994), *Nghị định số 53/CP ngày 26 tháng 6 năm 1994 quy định các biện pháp xử lý đối với cán bộ, viên chức nhà nước và những người có liên quan*, Hà Nội.
9. Chính Phủ (2004), *Nghị định số 178/CP ngày 15 tháng 10 năm 2004 quy định chi tiết Pháp lệnh phòng, chống mại dâm năm 2003*, Hà Nội.
10. Chính Phủ (1993), *Nghị quyết số 05/CP ngày 29 tháng 01 năm 1993 về ngăn chặn và phòng chống tệ nạn mại dâm*, Hà Nội.
11. Chính phủ (1976), *Sắc luật số 03/SL ngày 15 tháng 3 năm 1976 của Chủ tịch Chính phủ lâm thời Việt Nam dân chủ cộng hòa*.
12. Chính phủ (1945), *Sắc lệnh số 47-SL ngày 10 tháng 10 năm 1945 của Chủ tịch Chính phủ lâm thời Việt Nam dân chủ cộng hòa*.
13. Chính phủ (1946), *Sắc lệnh số 51/SL ngày 17 tháng 4 năm 1946 của Chủ tịch Chính phủ lâm thời Việt Nam dân chủ cộng hòa*.

14.Đảng Cộng sản Việt Nam (1994), *Chỉ thị 33/CT-TW ngày 01 tháng 3 năm 1994 về lãnh đạo phòng, chống tệ nạn xã hội*, Hà Nội.

15.Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 về một số nhiệm vụ trọng tâm trong công tác Tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.

16.Đảng cộng sản Việt Nam (2014), *Nghị quyết hội nghị lần thứ 9 Ban chấp hành trung ương khóa XI về xây dựng phát triển văn hóa con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*, Văn phòng Trung ương Đảng.

17.Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1987, tr.121.

18.Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1991, tr.121.

19.Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb CTQG, Hà Nội, 1996, tr.45.

20.Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

21.Đảng cộng sản Việt Nam (2012), *Văn kiện hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

22.Đình Bích Hà (2007), *Bộ luật hình sự nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

23.Đỗ Đức Hồng Hà (2013), “*Tội chứa mại dâm, tội môi giới mại dâm: Lí luận và thực tiễn*”, Tạp chí lập pháp, (05).

24.Đỗ Ngọc Hải (2007), *Pháp chế XHCN trong hoạt động ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND các cấp ở nước ta hiện nay*, NXB Chính trị Quốc gia, H.2007, tr.54.

25.Trần Thị Hiền (2011), *Bộ luật hình sự Nhật Bản*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.

26.Nguyễn Ngọc Hòa (2008), *Tội phạm và cấu thành tội phạm*, Nxb Tư pháp, Hà Nội (tái bản).

- 27.Hội đồng bộ trưởng (1986), *Chỉ thị số 14/CT ngày 16 tháng 01 năm 1986 về các biện pháp giải quyết các vấn đề cứu tế xã hội và tệ nạn xã hội*, Hà Nội.
- 28.Hội đồng bộ trưởng (1989), *Chỉ thị số 135-HĐBT ngày 14 tháng 5 năm 1989 Về tăng cường công tác bảo vệ trật tự, an toàn xã hội trong tình hình mới*, Hà Nội.
- 29.Hội đồng chính phủ (1964), *Nghị quyết số 129/CP ngày 08 tháng 8 năm 1964 về công tác bảo vệ trật tự an ninh*, Hà Nội.
- 30.Trần Minh Hưởng (Chủ biên) (2009), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009*, Nxb Lao động, Hà Nội.
- 31.Ngô Thị Khánh (1999), “*Một số khuyến nghị nhằm giảm tệ nạn mại dâm dựa trên các nghiên cứu về hành vi*”, Tạp chí Dân chủ và pháp luật, (02).
- 32.Liên bang Nga (2009), *Luật sửa đổi Liên bang nga*.
- 33.Liên Hợp quốc (1949), *Công ước về trấn áp tội phạm buôn người và bóc lột mại dâm người khác*.
- 34.Chu Viết Luân (chủ biên) (2007), *Thái Bình thế và lực trong thế kỷ XXI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- 35.Ông Chu Lưu (chủ biên) (2001), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự 1999 phân các tội phạm*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- 36.Ông Chu Lưu (Chủ biên) (2004), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 1999, tập II, (phần các tội phạm cụ thể)*, Nxb Lao động, Hà Nội.
- 37.Dương Tuyết Miên (2004), *Định tội danh và quyết định hình phạt*, Nxb Lao động Xã hội, Hà Nội.
- 38.Nguyễn Hoàng Minh (2010), *Điều tra tội phạm về mại dâm có tổ chức*, Luận án tiến sĩ luật học, Học viện cảnh sát nhân dân, Hà Nội.
- 39.Trần Đình Nhã (1994), “*Tệ nạn xã hội, chính sách xã hội, những vấn đề pháp lý - khoa học xã hội*”, Đề tài nghiên cứu khoa học, Hà Nội.
- 40.Đình Văn Quế (2006), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 1999 (phần các tội phạm)*, tập IX, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
- 41.Quốc hội (1985), *Bộ luật hình sự 1985*, Hà Nội.

42. Quốc hội (1999), *Bộ luật hình sự 1999*, Hà Nội.
43. Quốc hội (2009), *Bộ luật hình sự 2009*, Hà Nội.
44. Quốc hội (2015), *Bộ luật hình sự 2015*, Hà Nội.
45. Quốc hội (2013), *Hiến pháp 2013*, Hà Nội.
46. Nguyễn Huy Thuật (2009), *Sổ tay điều tra các tội phạm về trật tự xã hội*, NXb Công an nhân dân, Hà Nội.
47. Tòa án nhân dân tối cao (2002), *Công văn số 81/2002/TANDTC ngày 10 tháng 6 năm 2002 về việc giải đáp các vấn đề nghiệp vụ*, Hà Nội.
48. Tòa án nhân dân tối cao (1975), *Hệ thống hoá luật lệ về hình sự, tập 1*, Hà Nội.
49. Tòa án nhân dân tối cao (1979), *Hệ thống hoá luật lệ về hình sự, tập 2*, Hà Nội.
50. Tòa án nhân dân tối cao (2006), *Nghị quyết số 01/2006NQ-HĐTP ngày 12 tháng 5 năm 2006 hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS 1999*, Hà Nội.
51. Tòa án nhân dân tối cao (2003), *Nghị quyết số 02/2003NQ-HĐTP ngày 17 tháng 4 năm 2003 hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS 1999*, Hà Nội.
52. Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ nội vụ (1998), *Thông tư liên tịch số 01/1998/TTLT ngày 01 tháng 01 năm 1998 về sửa đổi và bổ sung một số quy định của Bộ luật hình sự năm 1985*, Hà Nội.
53. Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Công an - Bộ Tư pháp (2001), *Thông tư liên tịch số 02/2001 ngày 25 tháng 12 năm 2001 về hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương XIV Bộ luật Hình sự 1999 về các tội xâm phạm sở hữu*, Hà Nội.
54. Tổng cục cảnh sát nhân dân - Bộ nội vụ (1994), *“Tệ nạn xã hội ở Việt Nam- Thực trạng nguyên nhân và giải pháp”*, Đề tài nghiên cứu khoa học, mã số KH.04-14, Hà Nội.
55. Trường Đại học Luật Hà Nội (2011), *Bộ luật hình sự Liên bang Nga*, NXb Công an nhân dân, Hà Nội.
56. Trường Đại học Luật Hà Nội (2010), *Bộ luật hình sự Thụy Điển*, NXb Công

an nhân dân, Hà Nội.

57.Trường Đại học Luật Hà Nội (2007), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

58.Ủy ban thường vụ Quốc hội (2003), *Pháp lệnh phòng chống mại dâm ngày 17 tháng 4 năm 2003*, Hà Nội.

59.Viện khoa học kiểm sát (2002), *Luật phòng, chống mại dâm của Thái Lan ngày 19 tháng 10 năm 1996*, (Tài liệu dịch tham khảo), Hà Nội.

60.Viện khoa học kiểm sát (2002), *Luật phòng, chống mại dâm Nhật Bản năm 1991*, (Tài liệu dịch tham khảo), Hà Nội.

61.Trịnh Tiến Việt (2013), *Tội phạm và trách nhiệm hình sự (sách chuyên khảo)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

62.Võ Khánh Vinh (Chủ biên) (2001), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

63.Nguyễn Xuân Yêm (2005), *Phòng ngừa tội phạm Việt Nam thời kỳ hội nhập*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

64. Lê Kiên (2016), Bộ luật hình sự sai sót nghiêm trọng, ai chịu trách nhiệm, Báo Tuổi trẻ online, <http://tuoitre.vn/tin/chinh-tri-xa-hoi/20160628/bo-luat-hinh-su-sai-sot-nghiem-trong-ai-chiu-trach-nhiem/1126033.html>, cập nhật ngày 28/6/2016